

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH : NGÔN NGỮ HÀN QUỐC

MÃ NGÀNH : 7220210

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 576 /QĐ-UEF ngày 29/7/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. THÔNG TIN CHUNG:

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **NGÔN NGỮ HÀN QUỐC**
- Tên tiếng Anh: **KOREAN LANGUAGE**

Các chuyên ngành:

- Chuyên ngành 1. Biên phiên dịch tiếng Hàn.
- Chuyên ngành 2. Văn hóa du lịch Hàn Quốc.
- Chuyên ngành 3. Tiếng Hàn kinh tế - thương mại.
- Chuyên ngành 4. Giảng dạy Tiếng Hàn.

Trình độ đào tạo: Đại học.

Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Korean Language

Hình thức đào tạo: Chính quy.

Bậc trình độ: Bậc 6 Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Khóa học áp dụng: 2025 - 2029.

1.2. Mục tiêu đào tạo:

a) Mục tiêu chung (Program Goals)

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc theo định hướng nghề nghiệp, thông thạo các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết bằng tiếng Hàn, nắm vững các kiến thức về ngôn ngữ học, am hiểu văn hóa, có kỹ năng biên phiên dịch và các kỹ năng nghiệp vụ tốt, có khả năng thực hiện các nghiên cứu khoa học quy mô nhỏ, có kỹ năng tin học, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, trách nhiệm nghề nghiệp, có kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo, làm việc theo nhóm, có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề, học tập và làm việc tốt trong môi trường quốc tế, có năng lực hoạch định, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến chuyên môn. Sinh viên có thể tiếp tục theo học ở các cấp bậc cao hơn liên quan đến Hàn Quốc.

b) Mục tiêu cụ thể (Program Objectives – POs)

- PO1 (Kiến thức). Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật; kiến thức về ngôn ngữ Hàn trong lĩnh vực kinh tế thương mại, văn hóa du lịch, giảng dạy tiếng Hàn và biên phiên dịch tiếng Hàn; kiến thức về Hàn Quốc trong môi trường đa văn hóa.

- PO2 (Kỹ năng). Trang bị, rèn luyện cho người học kỹ năng thực hành nghề nghiệp về ngôn ngữ và văn hóa Hàn, tiếng Hàn trong môi trường doanh nghiệp, giảng dạy, dịch thuật và văn hóa du lịch, ứng dụng kiến thức chuyên môn và liên ngành để giải quyết những vấn đề thực tế; kỹ năng giao tiếp ứng xử, có kỹ năng nghiệp vụ tốt và hội nhập toàn cầu.

- PO3 (Mức tự chủ và trách nhiệm). Hình thành và phát triển cho người học ý thức đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm cộng đồng; năng lực tư duy độc lập, sáng tạo và phối hợp với người khác trong học tập, nghiên cứu và làm việc, thích nghi với các môi trường làm việc đa văn hóa và hội nhập.

1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện theo Quyết định số: 557/QĐ-UEF ngày 24/7/2025 về việc ban hành Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy, khóa 2025.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 125 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (03 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

STT	Khối kiến thức	Khối lượng kiến thức			
		Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tỉ lệ %
1	Kiến thức giáo dục đại cương	35	23	12	28,0%
1.1	Khoa học xã hội	6	6	-	
1.2	Khoa học chính trị	11	11	-	
1.3	Pháp luật	3	3	-	
1.4	Tin học	3	3	-	
1.5	Ngoại ngữ 2 (tiếng Anh/ Pháp/ Nhật / Trung)	12	-	12	
2	Kiến thức cơ sở ngành	18	18	-	14,4%
3	Kiến thức chuyên ngành	51	36	15	40,8%
4	Kiến thức bổ trợ	12	6	6	9,6%
5	Thực tập thực tế	9	3	6	7,2%
6	Kiến thức không tích lũy				
6.1	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ)			√	
6.2	Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết)		√		
	Tổng cộng	125	86 (68,8%)	39 (31,2%)	

2.2. Khung chương trình:

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
1. Kiến thức giáo dục đại cương						35							
1.1. Khoa học xã hội						6							
1.1.1	SOS1101	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Fundamentals of Vietnamese Culture	BB		3	3						
1.1.2	KOR1146	Đất nước, con người Hàn Quốc	Country, People of Korean	BB		3	3						
1.2. Khoa học chính trị						11							
1.2.1	POL1111	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	BB		3	3						
1.2.2	POL1112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economics	BB		2	2						
1.2.3	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	BB		2	2						
1.2.4	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	BB		2	2						
1.2.5	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	BB		2	2						
1.3. Pháp luật						3							
1.3.1	LAW1101	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	BB		3	3						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
1.4. Tin học						3							
1.4.1	ITE1292	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	Informatics and Applied Artificial Intelligence	BB		3	2	1					
1.5. Ngoại ngữ (Sinh viên chọn 1 trong 4 nhóm sau)						12							
		Nhóm 1: Tiếng Anh											
1.5.1.1	ENG3201	Tiếng Anh 1	English 1	TC		3	3						
1.5.2.1	ENG3202	Tiếng Anh 2	English 2	TC		3	3						
1.5.3.1	ENG3203	Tiếng Anh 3	English 3	TC		3	3						
1.5.4.1	ENG3204	Tiếng Anh 4	English 4	TC		3	3						
		Nhóm 2: Tiếng Pháp											
1.5.1.2	FRA3201	Tiếng Pháp 1	French 1	TC		3	3						
1.5.2.2	FRA3202	Tiếng Pháp 2	French 2	TC		3	3				FRA3201		
1.5.3.2	FRA3203	Tiếng Pháp 3	French 3	TC		3	3				FRA3202		
1.5.4.2	FRA3204	Tiếng Pháp 4	French 4	TC		3	3				FRA3203		
		Nhóm 3: Tiếng Nhật											
1.5.1.3	JPN3201	Tiếng Nhật 1	Japanese 1	TC		3	3						
1.5.2.3	JPN3202	Tiếng Nhật 2	Japanese 2	TC		3	3				JPN3201		
1.5.3.3	JPN3203	Tiếng Nhật 3	Japanese 3	TC		3	3				JPN3202		

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
1.5.4.3	JPN3204	Tiếng Nhật 4	Japanese 4	TC		3	3				JPN3203		
		Nhóm 4: Tiếng Trung											
1.5.1.4	CHI3201	Tiếng Trung 1	Chinese 1	TC		3	3						
1.5.2.4	CHI3202	Tiếng Trung 2	Chinese 2	TC		3	3				CHI3201		
1.5.3.4	CHI3203	Tiếng Trung 3	Chinese 3	TC		3	3				CHI3202		
1.5.4.4	CHI3204	Tiếng Trung 4	Chinese 4	TC		3	3				CHI3203		
2. Kiến thức cơ sở ngành						18							
2.1	KOR1101	Nhập môn ngôn ngữ Hàn	Introduction to Korean Language	BB		3	3						
2.2	KOR1152	Âm vị học tiếng Hàn	Korean Phonology	BB		3	3						
2.3	KOR3102	Ngữ pháp và viết 1	Grammar and Writing 1	BB		3	3				KOR1101		
2.4	KOR3103	Đọc 1	Reading 1	BB		3	3				KOR3102		
2.5	KOR3104	Nghe 1	Listening 1	BB		3	3				KOR3102		
2.6	KOR3105	Nói 1	Speaking 1	BB		3	3				KOR3102		
3. Kiến thức chuyên ngành						51							
3.1	KOR3106	Ngữ pháp và viết 2	Grammar and Writing 2	BB		3	3				KOR3102		
3.2	KOR3107	Đọc 2	Reading 2	BB		3	3				KOR3103		
3.3	KOR3108	Nghe 2	Listening 2	BB		3	3				KOR3104		
3.4	KOR3109K	Nói 2	Speaking 2	BB	K	3	3				KOR3105		

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
3.5	KOR3110	Ngữ pháp và viết 3	Grammar and Writing 3	BB		3	3				KOR3106		
3.6	KOR3111	Đọc 3	Reading 3	BB		3	3				KOR3107		
3.7	KOR3112	Nghe 3	Listening 3	BB		3	3				KOR3108		
3.8	KOR3113K	Nói 3	Speaking 3	BB	K	3	3				KOR3109K		
3.9	KOR3114K	Ngữ pháp và viết 4	Grammar and Writing 4	BB	K	3	3				KOR3110		
3.10	KOR3115K	Đọc 4	Reading 4	BB	K	3	3				KOR3111		x
3.11	KOR2116K	Nghe 4	Listening 4	BB	K	2	2				KOR3112		x
3.12	KOR2117K	Nói 4	Speaking 4	BB	K	2	2				KOR3113K		x
3.13	KOR2118K	Viết nâng cao	Advanced Writing	BB	K	2	2				KOR3114K		x
		<i>Sinh viên chọn 1 trong 4 chuyên ngành sau</i>											
Chuyên ngành 1.		<i>Biên phiên dịch tiếng Hàn</i>	<i>Korean Translating and Interpreting</i>										
3.14.1	KOR1125K	Lý thuyết biên phiên dịch tiếng Hàn	Theory of Translation and Interpretation in Korean	TC	K	3	3				KOR2118K		x
3.15.1	KOR1153K	Phiên dịch tiếng Hàn	Korean Interpretation	TC	K	3	3				KOR1125K		x
3.16.1	KOR1154K	Biên phiên dịch tiếng Hàn	Korean Translation	TC	K	3	3				KOR1153K		x
3.17.1	KOR1140K	Dịch văn bản tiếng Hàn	Korean Text Translation	TC	K	3	3				KOR1154K		

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
3.18.1	KOR1155K	Thông dịch luân phiên tiếng Hàn	Korean Simultaneous Interpretation	TC	K	3	3				KOR1140K		
Chuyên ngành 2.		<i>Văn hóa du lịch Hàn Quốc</i>	<i>Korean Culture and Tourism</i>										
3.14.2	KOR1156K	Nhập môn khoa học du lịch	Introduction to Tourism	TC	K	3	3				KOR2118K		x
3.15.2	KOR1141K	Địa lý du lịch Hàn Quốc	Korea Tourism Geography	TC	K	3	3				KOR1156K		x
3.16.2	KOR1142K	Tiếng Hàn du lịch ứng dụng	Practical Travel Korean	TC	K	3	3				KOR1141K		x
3.17.2	KOR1127K	Kỹ năng hướng dẫn du lịch bằng tiếng Hàn	Tour Guide Skills in Korean	TC	K	3	3				KOR1142K		
3.18.2	KOR1157K	Văn hóa Hàn Quốc	Korean Culture	TC	K	3	3				KOR1127K		
Chuyên ngành 3.		<i>Tiếng Hàn kinh tế và thương mại</i>	<i>Business and Commercial Korean</i>										
3.14.3	KOR1145K	Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc	Korean Corporate Culture	TC	K	3	3				KOR2118K		x
3.15.3	KOR1128K	Nghiệp vụ ngoại thương	Foreign Trade Operations	TC	K	3	3				KOR1145K		x
3.16.3	KOR1129K	Đàm thoại thương mại bằng tiếng Hàn	Korean for Business Communication	TC	K	3	3				KOR1128K		x

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
3.17.3	KOR1130K	Kỹ năng viết email bằng tiếng Hàn	Writing Email in Korean	TC	K	3	3				KOR1129K		
3.18.3	KOR1158K	Kinh tế song phương Việt-Hàn	Vietnam-Korea Bilateral Economy	TC	K	3	3				KOR1130K		
Chuyên ngành 4.		Giảng dạy Tiếng Hàn	Korean Language Teaching										
3.14.4	KOR1159K	Hình thái học tiếng Hàn Quốc	Korean Morphology	TC	K	3	3				KOR3118K		x
3.15.4	KOR1160K	Lý luận giảng dạy tiếng Hàn Quốc	Theory of Korean Language Teaching	TC	K	3	3				KOR1159K		x
3.16.4	KOR1132K	Phương pháp giảng dạy tiếng Hàn	Methods of Korean Language Teaching	TC	K	3	3				KOR1160K		x
3.17.4	KOR1133K	Thực hành giảng dạy tiếng Hàn	Korean Teaching in Practice	TC	K	3	3				KOR1132K		
3.18.4	KOR1161K	Ngữ pháp tiếng Hàn tổng hợp	Korean Grammar	TC	K	3	3				KOR1133K		
4. Kiến thức bổ trợ						12							
4.1	SKI1107	Project design 1	Project Design 1	BB		3	3						
4.2	SKI1108	Project design 2	Project Design 2	BB		3	3				SKI1107		
		Sinh viên chọn 2 trong các học phần sau											

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
4.3	DMK1101	Công dân số	Digital Citizenship	TC		3	3						
4.4	ECO1113	Công dân toàn cầu	Global Citizenship	TC		3	3						
4.5	JPN1163	Đặc nhân tâm phong cách Nhật Bản	Japanese Concepts to Win Friends and Influence People	TC		3	3						
4.6	JPN1108	Đất nước học Nhật Bản	Country Studies of Japan	TC		3	3						
4.7	CHI1122	Đất nước học Trung Quốc	Country Studies of China	TC		3	3						
4.8	ECO1108	Địa lý kinh tế thế giới	World Economics Geography	TC		3	3						
4.9	PSY1137	Giáo dục sức khỏe tinh thần	Mental Health Education	TC		3	3						
4.10	ENC1121	Giao tiếp liên văn hóa	Cross-cultural Communication	TC		3	3						
4.11	BUS1115	Khởi nghiệp	Entrepreneurship	TC		3	3						
4.12	LAW1195	Luật công bằng và tín thác	Equity and Trust Law	TC		3	3						
4.13	LAW1111	Luật thương mại	Commercial Law	TC		3	3						
4.14	LAW1116	Luật quốc tế	International Law	TC		3	3						
4.15	GPD1135	Nghệ thuật học cơ bản	The Basic of Arts	TC		3	3						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
4.16	HRM1111	Nghệ thuật lãnh đạo	Arts of Leadership	TC		3	3						
4.17	HMM1137	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp	Professional Personal Branding	TC		3	3						
4.18	IRE1130	Nghiep vụ ngoại giao	Diplomatic Protocol	TC		3	3						
4.19	DAS1125	Nhập môn chuyển đổi số	Introduction to Digital Transformation	TC		3	3						
4.20	IRE1108	Những vấn đề toàn cầu	Global Issues	TC		3	3						
4.21	DAS1124	Phân tích dữ liệu ứng dụng	Applied Data Analytics	TC		3	3						
4.22	LAW1107	Pháp luật về doanh nghiệp	Enterprises Law	TC		3	3						
4.23	IRE1151	Phát triển bền vững	Sustainable Development	TC		3	3						
4.24	FIN1152	Quản lý tài chính cá nhân	Personal Financial Management	TC		3	3						
4.25	IBU1115	Quản trị chiến lược toàn cầu	Global Strategic Management	TC		3	3						
4.26	PSY1103	Tâm lý giao tiếp	Communication Psychology	TC		3	3						
4.27	ADS1101	Thuyết trình sáng tạo	Creative Presentation	TC		3	3						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
4.28	DMK1114	Tư duy thẩm mỹ	Aesthetic Thinking	TC		3	3						
4.29	TOU1145	Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khánh tiết	Diplomatic Reception and Table Art	TC		3	3						
4.30	SOS1108	Văn hóa các nước Đông Nam Á	Cultures of Southeast Asia Countries	TC		3	3						
4.31	IRE1138	Văn minh nhân loại	Human Civilization	TC		3	3						
5. Thực tập thực tế						9							
5.1	KOR1334	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	BB		3				3			
		<i>Sinh viên chọn Khóa luận hoặc học 02 học phần</i>											
5.2	KOR1451	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	TC		6			6				
5.3	KOR1162K	Tiếng Hàn tổng hợp 1	General Korean 1	TC	K	3	3						
5.4	KOR1163K	Tiếng Hàn tổng hợp 2	General Korean 2	TC	K	3	3						
6. Kiến thức không tích lũy						3							
6.1. Giáo dục thể chất (sinh viên chọn 1 trong 5 nhóm sau)						3							
		<i>Nhóm 1</i>											
6.1.1.1	GYM1311	Giáo dục thể chất - Aerobic 1	Physical Education 1 - Aerobic	TC		1		1					

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
6.1.2.1	GYM1312	Giáo dục thể chất - Aerobic 2	Physical Education 2 – Aerobic	TC		1		1					
6.1.3.1	GYM1313	Giáo dục thể chất - Aerobic 3	Physical Education 3 - Aerobic	TC		1		1					
		<i>Nhóm 2</i>											
6.1.1.2	GYM1321	Giáo dục thể chất - Vovinam 1	Physical Education 1 - Vovinam	TC		1		1					
6.1.2.2	GYM1322	Giáo dục thể chất - Vovinam 2	Physical Education 2 - Vovinam	TC		1		1					
6.1.3.2	GYM1323	Giáo dục thể chất - Vovinam 3	Physical Education 3 - Vovinam	TC		1		1					
		<i>Nhóm 3</i>											
6.1.1.3	GYM1331	Giáo dục thể chất - Boxing 1	Physical Education 1 - Boxing	TC		1		1					
6.1.2.3	GYM1332	Giáo dục thể chất - Boxing 2	Physical Education 2 – Boxing	TC		1		1					
6.1.3.3	GYM1333	Giáo dục thể chất - Boxing 3	Physical Education 3 - Boxing	TC		1		1					
		<i>Nhóm 4</i>											
6.1.1.4	GYM1341	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 1	Physical Education 1 - Body-building	TC		1		1					

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
6.1.2.4	GYM1342	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 2	Physical Education 2 - Body-building	TC		1		1					
6.1.3.4	GYM1343	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 3	Physical Education 3 - Body-building	TC		1		1					
		<i>Nhóm 5</i>											
6.1.1.5	GYM1351	Giáo dục thể chất - Dancesport 1	Physical Education 1 - Dancesport	TC		1		1					
6.1.2.5	GYM1352	Giáo dục thể chất - Dancesport 2	Physical Education 2 – Dancesport	TC		1		1					
6.1.3.5	GYM1353	Giáo dục thể chất - Dancesport 3	Physical Education 2 - Dancesport	TC		1		1					
6.2. Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)													
6.2.1	MIL1203	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Military Education	BB									

Ghi chú: BB: Bắt buộc; TC: Tự chọn; K: Học phần giảng dạy bằng Tiếng Hàn (hệ số K học phí); LT: Lý thuyết; TH: Thực hành; ĐA: Đồ án/ Khóa luận; TT: Thực tập, thực tế.

Học phần điều kiện (*): đánh dấu X - các học phần cốt lõi sinh viên phải học trước khi đăng ký Thực tập tốt nghiệp; Học phần Chuyên đề tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp đăng ký thực hiện song hành hoặc sau khi hoàn thành Thực tập tốt nghiệp.

2.3. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến):

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
Năm 1															
01	1A	KOR1101	Nhập môn ngôn ngữ Hàn	Introduction to Korean Language	BB			3	45	45				135	NNVH QT
02	1A	KOR1152	Âm vị học tiếng Hàn	Korean Phonology	BB			3	45	45				135	NNVH QT
03	1B	KOR3102	Ngữ pháp và viết 1	Grammar and Writing 1	BB	KOR1101		3	45	45				135	NNVH QT
04	1B	SOS1101	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Fundamentals of Vietnamese Culture	BB			3	45	45				135	QHCCT T
05	1B	SKI1107	Project design 1	Project Design 1	BB			3	45	45				135	PD
			Cộng (HK 1A+1B)					15							
06	2A	KOR3103	Đọc 1	Reading 1	BB	KOR3102		3	45	45				135	NNVH QT
07	2A	KOR3104	Nghe 1	Listening 1	BB	KOR3102		3	45	45				135	NNVH QT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
08	2A	ITE1292	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	Informatics and Applied Artificial Intelligence	BB			3	60	30	30			180	CNTT
09	2B	KOR3105	Nói 1	Speaking 1	BB	KOR3102		3	45	45				135	NNVH QT
10	2B	KOR3106	Ngữ pháp và viết 2	Grammar and Writing 2	BB	KOR3102		3	45	45				135	NNVH QT
11	2B	LAW1101	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	BB			3	45	45				135	LUAT
			Cộng (HK 2A+2B)					18							
Năm 2															
01	1A	KOR3107	Đọc 2	Reading 2	BB	KOR3103		3	45	45				135	NNVH QT
02	1A	ENG3201/ FRA3201/ JPN3201/ CHI3201	Tiếng Anh 1/ Tiếng Pháp 1/ Tiếng Nhật 1/ Tiếng Trung 1	English 1 French 1 Japanese 1 Chinese 1	TC			3	45	45				135	TA NNVH QT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
03	1A	GYM1311/ GYM1321/ GYM1331/ GYM1341/ GYM1351	Giáo dục thể chất - Aerobic 1/ Giáo dục thể chất - Vovinam 1/ Giáo dục thể chất - Boxing 1/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 1/ Giáo dục thể chất - DanceSport 1	Physical Education 1 - Aerobic Physical Education 1 - Vovinam Physical Education 1 - Boxing Physical Education 1 - Body-building Physical Education 1 - DanceSport	TC			1	30		30			90	LL-TC
04	1B	KOR3108	Nghe 2	Listening 2	BB	KOR3104		3	45	45				135	NNVH QT
05	1B	ENG3202/ FRA3202/ JPN3202/ CHI3202	Tiếng Anh 2/ Tiếng Pháp 2/ Tiếng Nhật 2/ Tiếng Trung 2	English 2 French 2 Japanese 2 Chinese 2	TC	ENG3201/ FRA3201/ JPN3201/ CHI3201		3	45	45				135	TA NNVH QT
06	1B		Học phần tự chọn 1		TC			3	45	45				135	
07	1B	GYM1311/ GYM1321/ GYM1331/ GYM1341/ GYM1351	Giáo dục thể chất - Aerobic 1/ Giáo dục thể chất - Vovinam 1/ Giáo dục thể chất - Boxing 1/ Giáo dục thể chất -	Physical Education 2 - Aerobic Physical Education 2 - Vovinam Physical Education 2 - Boxing Physical Education	TC			1	30		30			90	LL-TC

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
			Thể hình thẩm mỹ 1/ Giáo dục thể chất - DanceSport 1	2 - Body-building Physical Education 2 - DanceSport											
			Cộng (HK 1A+1B)					17							
08	2A	KOR3109K	Nói 2	Speaking 2	BB	KOR3105	K	3	45	45				135	NNVH QT
09	2A	ENG3203/ FRA3203/ JPN3203/ CHI3203	Tiếng Anh 3/ Tiếng Pháp 3/ Tiếng Nhật 3/ Tiếng Trung 3	English 3 French 3 Japanese 3 Chinese 3	TC	ENG3202/ FRA3202/ JPN3202/ CHI3202		3	45	45				135	TA NNVH QT
10	2A	GYM1311/ GYM1321/ GYM1331/ GYM1341/ GYM1351	Giáo dục thể chất - Aerobic 1/ Giáo dục thể chất - Vovinam 1/ Giáo dục thể chất - Boxing 1/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 1/ Giáo dục thể chất - DanceSport 1	Physical Education 3 - Aerobic Physical Education 3 - Vovinam Physical Education 3 - Boxing Physical Education 3 - Body-building Physical Education 3 - DanceSport	TC			1	30		30			90	LL-TC
11	2B	KOR3110	Ngữ pháp và viết 3	Grammar and Writing 3	BB	KOR3106		3	45	45				135	NNVH QT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
12	2B	ENG3204/ FRA3204/ JPN3204/ CHI3204	Tiếng Anh 4/ Tiếng Pháp 4/ Tiếng Nhật 4/ Tiếng Trung 4	English 4 French 4 Japanese 4 Chinese 4	TC	ENG3203/ FRA3203/ JPN3203/ CHI3203		3	45	45				135	TA NNVH QT
13	2B	SKI1108	Project design 2	Project Design 2	BB	SKI1107		3	45	45				135	PD
			Cộng (HK 2A+2B)					16							
		MIL1203	Giáo dục quốc phòng - an ninh	Military Education					165						PĐT
Năm 3															
01	1A	KOR3113K	Nói 3	Speaking 3	BB	KOR3109K	K	3	45	45				135	NNVH QT
02	1A	KOR3111	Đọc 3	Reading 3	BB	KOR3107		3	45	45				135	NNVH QT
03	1A	KOR3112	Nghe 3	Listening 3	BB	KOR3108		3	45	45				135	NNVH QT
04	1B	KOR2117K	Nói 4	Speaking 4	BB	KOR3113K	K	2	30	30				90	NNVH QT
05	1B	KOR3114K	Ngữ pháp và viết 4	Grammar and Writing 4	BB	KOR3110	K	3	45	45				135	NNVH QT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
06	1B	POL1111	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	BB			3	45	45				135	LL-TC
			Cộng (HK 1A+1B)					17							
07	2A	POL1112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economics	BB			2	30	30				90	LL-TC
08	2A	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	BB			2	30	30				90	LL-TC
09	2A	KOR3115K	Đọc 4	Reading 4	BB	KOR3111	K	3	45	45				135	NNVH QT
10	2A	KOR2116K	Nghe 4	Listening 4	BB	KOR3112	K	2	30	30				90	NNVH QT
11	2B	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	BB			2	30	30				90	LL-TC
12	2B	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	BB			2	30	30				90	LL-TC
13	2B	KOR2118K	Viết nâng cao	Advanced Writing	BB	KOR3114K	K	2	30	30				90	NNVH QT
14	2B		Học phần tự chọn 2		TC			3	45	45				135	

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
			Cộng (HK 2A+2B)					18							
Năm 4															
01	1A	KOR1146	Đất nước, con người Hàn Quốc	Country, People of Korean	BB			3	45	45				135	NNVH QT
		Chuyên ngành	<i>Biên phiên dịch tiếng Hàn</i>	<i>Korean for Translation and Interpretation</i>											
02	1A	KOR1125K	Lý thuyết biên phiên dịch tiếng Hàn	Theory of Translation and Interpretation in Korean	TC	KOR2118K	K	3	45	45				135	NNVH QT
03	1A	KOR1153K	Phiên dịch tiếng Hàn	Korean Interpretation	TC	KOR1125K	K	3	45	45				135	NNVH QT
		Chuyên ngành	<i>Văn hóa du lịch Hàn Quốc</i>	<i>Korean Tourism and Travel culture</i>											
02	1A	KOR1156K	Nhập môn khoa học du lịch	Introduction to Tourism	TC	KOR2118K	K	3	45	45				135	NNVH QT
03	1A	KOR1141K	Địa lý du lịch Hàn Quốc	Korea Tourism Geography	TC	KOR1156K	K	3	45	45				135	NNVH QT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
		Chuyên ngành	<i>Tiếng Hàn kinh tế - thương mại</i>	<i>Korean for Economics and Commerce</i>											
02	1A	KOR1145K	Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc	Korean Corporate Culture	TC	KOR2118K	K	3	45	45				135	NNVH QT
03	1A	KOR1128K	Nghiệp vụ ngoại thương	Foreign Trade Operations	TC	KOR1145K	K	3	45	45				135	NNVH QT
		Chuyên ngành	<i>Giảng dạy Tiếng Hàn</i>	<i>Korean for Language Teaching</i>											
02	1A	KOR1159K	Hình thái học tiếng Hàn Quốc	Korean Morphology	TC	KOR3118K	K	3	45	45				135	NNVH QT
03	1A	KOR1160K	Lý luận giảng dạy tiếng Hàn Quốc	Theory of Korean Language Teaching	TC	KOR1159K	K	3	45	45				135	NNVH QT
		Chuyên ngành	<i>Biên phiên dịch tiếng Hàn</i>	<i>Korean for Translation and Interpretation</i>											
04	1B	KOR1154K	Biên phiên dịch tiếng Hàn	Korean Translation	TC	KOR1153K	K	3	45	45				135	NNVH QT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
05	1B	KOR1140K	Dịch văn bản tiếng Hàn	Korean Text Translation	TC	KOR1154K	K	3	45	45				135	NNVH QT
06	1B	KOR1155K	Thông dịch luân phiên tiếng Hàn	Korean Simultaneous Interpretation	TC	KOR1140K	K	3	45	45				135	NNVH QT
		Chuyên ngành	<i>Văn hóa du lịch Hàn Quốc</i>	<i>Korean Tourism and Travel culture</i>											
04	1B	KOR1142K	Tiếng Hàn du lịch ứng dụng	Practical Travel Korean	TC	KOR1141K	K	3	45	45				135	NNVH QT
05	1B	KOR1127K	Kỹ năng hướng dẫn du lịch bằng tiếng Hàn	Tour Guide Skills in Korean	TC	KOR1142K	K	3	45	45				135	NNVH QT
06	1B	KOR1157K	Văn hóa Hàn Quốc	Korean Culture	TC	KOR1127K	K	3	45	45				135	NNVH QT
		Chuyên ngành	<i>Tiếng Hàn kinh tế - thương mại</i>	<i>Korean for Economics and Commerce</i>											
04	1B	KOR1129K	Đàm thoại thương mại bằng tiếng Hàn	Korean for Business Communication	TC	KOR1128K	K	3	45	45				135	NNVH QT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
05	1B	KOR1130K	Kỹ năng viết email bằng tiếng Hàn	Writing Email in Korean	TC	KOR1129K	K	3	45	45				135	NNVH QT
06	1B	KOR1158K	Kinh tế song phương Việt-Hàn	Vietnam-Korea Bilateral Economy	TC	KOR1130K	K	3	45	45				135	NNVH QT
		Chuyên ngành	<i>Giảng dạy Tiếng Hàn</i>	<i>Korean for Language Teaching</i>											
04	1B	KOR1132K	Phương pháp giảng dạy tiếng Hàn	Methods of Korean Language Teaching	TC	KOR1160K	K	3	45	45				135	NNVH QT
05	1B	KOR1133K	Thực hành giảng dạy tiếng Hàn	Korean Teaching in Practice	TC	KOR1132K	K	3	45	45				135	NNVH QT
06	1B	KOR1161K	Ngữ pháp tiếng Hàn tổng hợp	Korean Grammar	TC	KOR1133K	K	3	45	45				135	NNVH QT
			Cộng (HK 1A+1B)					18							
			<i>Sinh viên chọn Khóa luận hoặc học 2 học phần</i>												

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
07	2A	KOR1451	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	TC			6				X			NNVH QT
08	2A	KOR1162K	Tiếng Hàn tổng hợp 1	General Korean 1	TC		K	3	45	45				135	NNVH QT
09	2A	KOR1163K	Tiếng Hàn tổng hợp 2	General Korean 2	TC		K	3	45	45				135	NNVH QT
10	2A	KOR1334	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	BB			3					X		NNVH QT
			Cộng (HK 2A)					9							

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NGÔN NGỮ HÀN QUỐC				Giáo dục đại cương	Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức chuyên ngành	Kiến thức bổ trợ	Thực tập thực tế	Kiến thức không tích lũy
Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4			
HK 1A	HK 2A	HK 1A	HK 2A	HK 1A	HK 2A	HK 1A	HK 2A		
	Độc 1 KOR3103 (3tc)	Độc 2 KOR3107 (3tc)	(K) Nói 2 KOR3109K (3tc)	(K) Nói 3 KOR3113K (3tc)	(K) Đọc 4 KOR3115K (3tc)	Đất nước, con người Hàn quốc KOR1146 (3tc)	Môn tự chọn 3 (3tc)	(K) Kinh tế song phương Việt - Hàn KOR1158K (3tc)	(K) Văn hóa Hàn Quốc KOR1157K (3tc)
Nhập môn ngôn ngữ Hàn KOR1101 (3tc)	Nghe 1 KOR3104 (3tc)	Tiếng Anh 1- ENG2101 Tiếng Pháp 1- FRA2101 Tiếng Nhật 1- JPN2101 Tiếng Trung 1- CHI2101 (4tc)	Tiếng Anh 3- ENG2103 Tiếng Pháp 3- FRA2103 Tiếng Nhật 3- JPN2103 Tiếng Trung 3- CHI2103 (4tc)	Độc 3 KOR3111 (3tc)	Chủ nghĩa xã hội khoa học POL1113 (2tc)	Chọn khóa luận tốt nghiệp hoặc 2 môn thay thế		(K) Kỹ năng viết email bằng tiếng Hàn KOR1130K (3tc)	(K) Kỹ năng hướng dẫn du lịch bằng tiếng Hàn KOR1127K (3tc)
Âm vị học Tiếng Hàn KOR1152 (3tc)	Tin học đại cương ITE1201 (3tc)	Giáo dục thể chất 1 (1tc)	Giáo dục thể chất 3 (1tc)	Nghe 3 KOR3112 (3tc)	Kinh tế chính trị Mác-Lênin POL1112 (2tc)		Khóa luận tốt nghiệp KOR1451 (6tc)	(K) Thông dịch luận phiên dịch Hàn KOR1155K (3tc)	(K) Ngữ pháp tiếng Hàn tổng hợp KOR1161K (3tc)
							(K) Tiếng Hàn tổng hợp 1 KOR1162K (3tc)	(K) Dịch văn bản tiếng Hàn KOR1140K (3tc)	(K) Thực hành giảng dạy tiếng Hàn KOR1133K (3tc)
								Tiếng Hàn kinh tế - thương mại	Văn hóa du lịch Hàn quốc
HK 1B	HK 2B	HK 1B	HK 2B	HK 1B	HK 2B	HK 1B	HK 2B		
Ngữ pháp và viết 1 KOR3102 (3tc)	Nói 1 KOR3105 (3tc)	Nghe 2 KOR3108 (3tc)	Project design 2 SKI1108 (3tc)	Triết học Mác- Lênin POL1111 (3tc)	Tư tưởng Hồ Chí Minh POL1114 (2tc)	(K) Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc KOR1145K (3tc)	(K) Nhập môn khoa học du lịch KOR1156K (3tc)		
Cơ sở văn hóa Việt Nam SOS1101 (3tc)	Ngữ pháp và viết 2 KOR3106 (3tc)	Tiếng Anh 2- ENG2102 Tiếng Pháp 2- FRA2102 Tiếng Nhật 2- JPN2102 Tiếng Trung 2- CHI2102 (4tc)	Tiếng Anh 4- ENG2104 Tiếng Pháp 4- FRA2104 Tiếng Nhật 4- JPN2104 Tiếng Trung 4- CHI2104 (4tc)	(K) Nói 4 KOR3117K (3tc)	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam POL1115 (2tc)	(K) Nghiệp vụ ngoại thương KOR1128K (3tc)	(K) Địa lý du lịch Hàn Quốc KOR1141K (3tc)		
Project design 1 SKI1107 (3tc)	Pháp luật đại cương LAW1101 (3tc)	Giáo dục thể chất 2 (1tc)	Ngữ pháp và viết 3 KOR3110 (3tc)	(K) Ngữ pháp và viết 4 KOR3114K (3tc)	(K) Viết nâng cao KOR3118K (3tc)	(K) Đàm thoại thương mại bằng tiếng Hàn KOR1129K (3tc)	(K) Tiếng Hàn du lịch ứng dụng KOR1142K (3tc)		
						Tiếng Hàn kinh tế - thương mại	Văn hóa du lịch Hàn quốc		
		</							

2.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
1. Kiến thức giáo dục đại cương				
1.1.1	SOS1101	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	Học phần nghiên cứu khái quát về văn hóa Việt Nam, bao gồm: điều kiện tự nhiên và xã hội chi phối sự hình thành văn hóa Việt Nam, cơ sở hình thành và quá trình định hình bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam. Môn học xác định các vùng, các đặc trưng bản sắc của văn hóa truyền thống Việt Nam, sự phát triển, tiếp biến văn hóa truyền thống Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa và hội nhập toàn cầu hóa. Môn học trang bị kiến thức nền tảng nhằm giúp người học lý giải các hiện tượng xã hội từ góc độ văn hóa, đảm bảo phong văn hóa cho cử nhân Ngôn ngữ Hàn Quốc khi tổ chức các hoạt động nghề nghiệp.
1.1.2	KOR1146	Đất nước, con người Hàn Quốc	3	Học phần Đất nước con người Hàn Quốc trình bày những nội dung cơ bản liên quan đến đất nước và con người Hàn Quốc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức đại cương về ngôn ngữ và văn hóa, lịch sử, kinh tế, chính trị, đất nước, con người Hàn Quốc, giúp người học có cái nhìn tổng quan về đất nước Hàn Quốc trước khi bước vào học chuyên ngành ngôn ngữ Hàn.
1.2.1	POL1111	Triết học Mác-Lênin	3	Học phần cung cấp cho người học kiến thức khoa học nền tảng về Triết học Mác –Lênin; Nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan, bao gồm: Chương 1- trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vật đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người
1.2.2	POL1112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	Học phần này cung cấp kiến thức nền tảng về Kinh tế chính trị Mác-Lênin, nhằm nâng cao năng lực tư duy và nhận thức khoa học về thế giới khách quan và các học thuyết kinh tế. Sinh viên sẽ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				hiểu và áp dụng kiến thức này trong việc phân tích, xử lý, và đánh giá vấn đề khoa học lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực đào tạo của họ. Chương trình bao gồm 6 chương, trong đó chương 1 tập trung vào đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin. Các chương tiếp theo đề cập đến các vấn đề cốt lõi như hàng hóa, thị trường, vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền, kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, và cách mạng công nghiệp cũng như hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam.
1.2.3	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 7 chương: Trong đó, chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học.
1.2.4	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho người học kiến thức tư duy nhận thức khoa học hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; Hiểu được các quan điểm tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức cách mạng và con người mới. Người học biết vận dụng vào quá trình tự rèn luyện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thời đại mới.
1.2.5	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Học phần cung cấp cho người học về kiến thức vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngoài chương nhập môn gồm 05 bài, cụ thể: Bài 1. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Bài 2. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Bài 3. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc,

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				thống nhất đất nước (1945-1975); Bài 4. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); Bài 5. Kết luận.
1.3.1	LAW1101	Pháp luật đại cương	3	Học phần Pháp luật đại cương nghiên cứu hiện tượng Nhà nước và Pháp luật theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lenin. Học phần giải quyết những vấn đề chung nhất về Nhà nước và Pháp luật: nguồn gốc, bản chất, các kiểu và chức năng của Nhà nước và Pháp luật. Ngoài ra học phần còn nghiên cứu các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, hình thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước
1.4.1	ITE1292	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	3	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng về tin học văn phòng: soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, thiết kế bài thuyết trình chuyên nghiệp và ứng dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) phổ biến hỗ trợ học tập, nghiên cứu và làm việc hiệu quả. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức: Khái niệm cơ bản về Tin học và AI; Sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Word; Sử dụng phần mềm bảng tính Excel; Trình bày báo cáo bằng phần mềm trình chiếu Powerpoint; Ứng dụng AI trong xử lý văn bản và bảng tính; Ứng dụng AI trong thiết kế thuyết trình; Tìm kiếm thông tin học thuật với AI; Sử dụng AI hỗ trợ viết báo cáo, luận văn.
1.5.1.1	ENG3201	Tiếng Anh 1	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc tương đương cấp độ A2-B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tư duy biện luận và năng lực học tập suốt đời. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
1.5.2.1	ENG3202	Tiếng Anh 2	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc tương đương cấp độ A2-B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tư duy biện luận và năng lực học tập suốt đời. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
1.5.3.1	ENG3203	Tiếng Anh 3	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc tương đương cấp độ A2-B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tư duy biện luận và năng lực học tập suốt đời. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
1.5.4.1	ENG3204	Tiếng Anh 4	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc gần tương đương cấp độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập luận khoa học. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
1.5.1.2	FRA3201	Tiếng Pháp 1	3	Học phần giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày như miêu tả người, vật, lên kế hoạch cho bản thân.
1.5.2.2	FRA3202	Tiếng Pháp 2	3	Học phần giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày ở cấp độ tương đối phức tạp hơn so với học phần Tiếng Pháp 1.
1.5.3.2	FRA3203	Tiếng Pháp 3	3	Học phần giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng ở mức độ khá phức tạp và liên quan đến việc giải quyết các tình huống yêu cầu mức độ ngôn ngữ ở mức tiền trung cấp.
1.5.4.2	FRA3204	Tiếng Pháp 4	3	Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm ở cấp độ trung cấp trong tiếng Pháp, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, giao tiếp học thuật và công sở như thể hiện sự đồng ý hay phản đối trong lúc thảo luận, phản hồi thông tin.
1.5.1.3	JPN3201	Tiếng Nhật 1	3	Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên làm quen nắm được kiến thức cơ bản về tiếng Nhật. Có kỹ năng giao tiếp tiếng Nhật cơ bản (chào hỏi, giới thiệu); Bài học phần 1: Đọc và viết được Hiragana và Katakana; Xưng hô các ngôi trong giao tiếp; Giới thiệu bản thân; Hỏi thông tin cơ bản (tên, tuổi, chỗ ở, nghề nghiệp). Thời gian học chủ yếu là luyện nói, nghe và hoạt động hội thoại nhóm. Lượng kiến thức cũng được bố trí phù hợp, để có thêm thời gian cho sinh viên thực tập hội thoại.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
1.5.2.3	JPN3202	Tiếng Nhật 2	3	Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên làm quen nắm được kiến thức cơ bản, thuộc từ vựng và mẫu câu thông dụng. Có kỹ năng giao tiếp tiếng Nhật cơ bản (mô tả thời gian, các hoạt động đơn giản trong cuộc sống). Bài học phần 2: Sử dụng đúng các trợ từ đã học: は、も、で、に、を、へ; Nắm bắt và vận dụng được cách nói thời gian, phương tiện, nơi chốn; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản.
1.5.3.3	JPN3203	Tiếng Nhật 3	3	Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên hiểu và ứng dụng được tiếng Nhật ở trình độ sơ cấp, thuộc từ vựng và mẫu câu đã học theo nhiều đề tài. Bài học phần 3: Sử dụng đúng các tính từ mô tả màu sắc, tính chất sự vật, miêu tả sở thích; Nhớ và vận dụng được các hậu tố đếm cái, người, tầng; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản (hỏi lý do, trả lời lý do); Giới thiệu sở thích và thói quen cá nhân.
1.5.4.3	JPN3204	Tiếng Nhật 4	3	Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên hiểu và ứng dụng được tiếng Nhật ở trình độ sơ cấp, thuộc từ vựng và mẫu câu và cách chia thể của động từ, Hiểu và ứng dụng được ngữ pháp đã học trong giao tiếp cơ bản. Bài học phần 4: Diễn đạt được ý muốn, mục đích, gợi ý giúp đỡ, mệnh lệnh yêu cầu, xin phép; Biết cách chia thể ㅏ và ứng dụng thể ㅏ vào ngữ pháp đã học; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản (về ý muốn, mục đích); Biết sử dụng câu tiếp diễn, yêu cầu, đề nghị.
1.5.1.4	CHI3201	Tiếng Trung 1	3	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản nhất về hệ thống ngữ âm tiếng Trung; Giúp sinh viên nắm ý chính để có thể trả lời, giải thích nội dung đoạn hội thoại, rèn luyện khả năng xử lý tình huống trong giao tiếp đơn giản. Nội dung xoay quanh các hoạt động thường nhật gần gũi với sinh viên như: Chào hỏi, số đếm, ngày tháng, gia đình và bạn bè, ăn uống, mua sắm, sinh hoạt hằng ngày...
1.5.2.4	CHI3202	Tiếng Trung 2	3	Học phần gồm 15 bài với các nội dung như mua sắm, thời tiết, sở thích, ăn uống, gọi điện thoại.....Học phần trang bị cho sinh viên có khả năng đối thoại các tình huống đơn giản, phát âm chính xác. Thông qua các bài khóa và bài tập mô

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				phỏng hội thoại, sinh viên có thể thực hiện những câu giao tiếp đơn giản trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ sơ cấp 1.
1.5.3.4	CHI3203	Tiếng Trung 3	3	Học phần cung cấp cho sinh viên các mẫu hội thoại liên quan đến cuộc sống thường nhật như: Lễ Tết, lễ nghi, quà tặng, đời sống đại học, phim ảnh, thư viện v.v. Thông qua nội dung các bài học, sinh viên còn có thể tìm hiểu về văn hóa ứng xử và đời sống xã hội của người Trung Quốc. Nội dung các chủ đề và bài tập thực hành không những giúp sinh viên thực hành nói tiếng Trung mà còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng trình bày suy nghĩ, bày tỏ ý kiến của bản thân về các tình huống thực tế trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ sơ cấp 2.
1.5.4.4	CHI3204	Tiếng Trung 4	3	Học phần cung cấp cho sinh viên các mẫu hội thoại liên quan đến cuộc sống thường nhật như: Làm tóc, đời sống du học, hỏi thăm, kế hoạch tương lai, so sánh đối chiếu v.v... Thông qua nội dung các bài học, sinh viên còn có thể tìm hiểu về văn hóa ứng xử và đời sống xã hội của người Trung Quốc. Nội dung các chủ đề và bài tập thực hành giúp sinh viên thực hành nói tiếng Trung, rèn luyện kỹ năng trình bày suy nghĩ, bày tỏ ý kiến của bản thân ... các tình huống thực tế trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ tiền trung cấp.
2. Kiến thức cơ sở ngành				
2.1	KOR1101	Nhập môn ngôn ngữ Hàn	3	Học phần Nhập môn ngôn ngữ Hàn cung cấp cho sinh viên khối kiến thức nền tảng về ngôn ngữ học Hàn Quốc, với đối tượng người học tiếng Hàn như một ngoại ngữ chính: Tìm hiểu về các thuật ngữ và các khái niệm về ngôn ngữ học nói chung và ngôn ngữ Hàn Quốc, đề nhận biết về các đặc trưng của ngôn ngữ học Hàn Quốc. Học phần giúp sinh viên hiểu được hệ thống âm vị, âm vận, các phát âm chuẩn, và phương pháp phát âm chính xác tiếng Hàn; có được kiến thức về hình vị học, hình thái học tiếng Hàn, cấu tạo từ vựng và cấu trúc câu tiếng Hàn và sự ra đời của “Huấn dân chính âm”, luật chính tả chữ Hàn (Hangeul), Cách phiên âm từ vay mượn, cách phiên âm chữ La tinh, Các quy tắc biến âm trong tiếng Hàn.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
2.2	KOR1152	Âm vị học tiếng Hàn	3	Học phần Âm vị học tiếng Hàn là môn học nghiên cứu về cách phát âm tiếng Hàn, cung cấp cho người học những kiến thức về cách hình thành và nguyên tắc nguyên âm, phụ âm, phụ âm dưới, các nguyên tắc biến âm trong tiếng Hàn để người học có cách phát âm chuẩn xác trong quá trình học tiếng.
2.3	KOR3102	Ngữ pháp và viết 1	3	Học phần Ngữ pháp và viết 1 giúp cho sinh viên làm quen với bảng chữ Hàn, nắm vững nguyên tắc cấu thành câu trong tiếng Hàn và vận dụng được những mẫu câu căn bản. Kết thúc học phần sinh viên có thể nắm bắt được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản nhất thông qua các mẫu hội thoại và các mẫu câu đa dạng được liệt kê trong giáo trình, có thể ứng dụng kiến thức đã học vào thực tế viết và giao tiếp tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp.
2.4	KOR3103	Đọc 1	3	Học phần Đọc 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức từ trình độ vỡ lòng, bắt đầu từ việc làm quen với hệ thống chữ cái của tiếng Hàn trong những bài học đầu tiên. Các chủ đề chủ yếu đề cập đến khía cạnh bản thân, gia đình, trường học, ẩm thực, v.v.. được bố trí ở những không gian riêng tư và công cộng. Cấu trúc trong từng chủ đề được trình bày theo trình tự bắt đầu từ câu hỏi dẫn nhập, hình ảnh minh họa, bài luận, từ vựng, luyện tập từ vựng, câu hỏi và cuối cùng là phần đọc thêm.
2.5	KOR3104	Nghe 1	3	Học phần Nghe 1 cung cấp cho sinh viên những kỹ năng nghe cơ bản. Giúp nắm ý chính để có thể trả lời, giải thích nội dung đoạn hội thoại. Rèn luyện khả năng xử lý tình huống trong giao tiếp đơn giản. nội dung xoay quanh các hoạt động thường nhật của du học sinh đang sống tại Hàn Quốc: chào hỏi, trường học và nhà, gia đình và bạn bè, thức ăn, sinh hoạt hằng ngày. Các câu nói thông dụng dành cho những sinh viên đã làm quen với tiếng Hàn được một thời gian ngắn.
2.6	KOR3105	Nói 1	3	Học phần Nói 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về văn hóa xã hội của Hàn Quốc xoay quanh các hoạt động thường nhật gồm các chủ đề (chào hỏi, giới thiệu bản thân, ngày tháng, cuộc sống Hàn Quốc, thời tiết...), các câu nói thông dụng để sinh viên tiếp thu được kiến thức của phần tiếng Hàn nhập môn. Nội dung các chủ đề và bài tập

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				thực hành không những giúp sinh viên thực hành nói tiếng Hàn mà còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng trình bày suy nghĩ cũng như bày tỏ ý kiến của bản thân về các tình huống thực tế đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.
3. Kiến thức chuyên ngành				
3.1	KOR3106	Ngữ pháp và viết 2	3	Học phần Ngữ pháp và viết 2 giúp sinh viên đã làm quen với tiếng Hàn và phần nào vận dụng được những cấu trúc câu căn bản. Học phần 2 sẽ tiếp tục cung cấp cho sinh viên các cấu trúc ngữ pháp cơ bản nhất thông qua các mẫu hội thoại và các mẫu câu đa dạng có thể ứng dụng vào thực tế viết và giao tiếp tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp.
3.2	KOR3107	Đọc 2	3	Học phần Đọc 2 cung cấp cho sinh viên những nội dung liên quan đến các vấn đề văn hoá xã hội khá gần gũi với đời sống hàng ngày của người Hàn thông qua cách ứng xử, giao tiếp, trải nghiệm ẩm thực, phong tục tập quán, v.v... Nội dung của giáo trình được biên soạn theo nhiều mức độ khó dễ khác nhau tùy theo thể loại đan xen, giúp người học không bị quá tải trong việc tiếp thu. Trước khi vào bài đọc chính thường có hình ảnh minh họa và phần câu hỏi dẫn nhập, giúp người học có thể tự hình dung và liên tưởng đến vấn đề cần giải quyết. Trình tự ở các bài được bố trí cụ thể như sau: hình ảnh minh họa, câu hỏi gợi mở, bài đọc chính, luyện tập từ vựng, bài tập, bài đọc thêm, luyện tập phát âm.
3.3	KOR3108	Nghe 2	3	Học phần Nghe 2 cung cấp cho sinh viên những kỹ năng nghe cơ bản. Giúp nắm ý chính để có thể trả lời, giải thích nội dung đoạn hội thoại. Rèn luyện khả năng xử lý tình huống trong giao tiếp đơn giản. Nghe hiểu, nghe bài khóa theo chủ đề lớn có nội dung xoay quanh các hoạt động thường nhật của du học sinh đang sống tại Hàn Quốc, tiếp theo các chủ đề đã học ở học phần 1 (mua sắm, đi lại, điện thoại, thời tiết và 4 mùa, ngày nghỉ và kì nghỉ). Các câu nói thông dụng dành cho những sinh viên đã làm quen với tiếng Hàn được một thời gian ngắn.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
3.4	KOR3109K	Nói 2	3	Học phần Nói 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản như chào hỏi, giới thiệu tên, giới thiệu về quê hương của mình,... Trong học phần này sinh viên sẽ được học các nội dung như gọi điện thoại cho ai đó, cách truyền đạt một vấn đề mà mình đã được nghe hoặc biết, cách gọi món ăn khi đi ăn nhà hàng hoặc gọi điện thoại đến nhà hàng đặt món và yêu cầu giao hàng, các sử dụng các phương tiện giao thông, hẹn gặp ai đó, xây dựng kế hoạch, nhờ vả ai, nói về gu sở thích của mình, v.v..
3.5	KOR3110	Ngữ pháp và viết 3	3	Học phần Ngữ pháp và viết 3 cung cấp cho sinh viên các điểm ngữ pháp, mẫu câu và hội thoại phổ biến trong hoạt động đời sống hằng ngày như tự giới thiệu, tên các món ăn, mua sắm ở chợ, mời, lưu thông trên đường v.v... Học phần được thực hiện với mục tiêu trang bị cho sinh viên những cấu trúc ngữ pháp cơ bản để nâng cao trình độ sơ cấp và đa dạng hóa các điểm ngữ pháp, giúp sinh viên có những ứng dụng đa dạng hơn trong các tình huống giao tiếp tiếng Hàn.
3.6	KOR3111	Đọc 3	3	Học phần Đọc 3 cung cấp cho sinh viên những nội dung liên quan đến cuộc sống cá nhân, văn hoá giao tiếp, phong tục tập quán, v.v.. được viết theo nhiều thể loại đa dạng như bút ký, ký sự, cảm nhận, thuyết trình, phỏng vấn, quảng cáo,... Các chủ đề nhỏ được biên soạn theo nhiều mức độ khó dễ khác nhau tùy theo thể loại, giúp người học có thể tập thích nghi với chúng; trước khi vào bài đọc chính thường có hình ảnh minh họa và phần câu hỏi dẫn nhập, giúp người học có thể tự hình dung và liên tưởng đến vấn đề cần giải quyết. Trình tự ở các bài được bố trí cụ thể như sau: hình ảnh minh họa, câu hỏi gợi mở, bài đọc chính, luyện tập từ vựng, tìm hiểu nội dung, bài đọc thêm.
3.7	KOR3112	Nghe 3	3	Học phần Nghe 3 cung cấp cho sinh viên nội dung nghe xoay quanh các hoạt động thường nhật của du học sinh đang sống tại Hàn Quốc, tiếp theo các chủ đề đã học ở học phần 2: giới thiệu, món ăn Hàn Quốc, chợ, mời, giao thông (tt). Các câu nói thông dụng dành cho những sinh viên có kiến thức tiếng Hàn căn bản.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
3.8	KOR3113K	Nói 3	3	Học phần Nói 3 cung cấp cho sinh viên các mẫu hội thoại liên quan đến cuộc sống thường nhật như: Lễ Tết, lễ nghi, quà tặng, đời sống đại học, phim ảnh, thư viện, v.v... Ngoài ra còn có các bài hội thoại trong giáo trình tham khảo cũng với các nội dung như trên. Thông qua nội dung các bài học, sinh viên còn có thể tìm hiểu về văn hóa ứng xử và đời sống xã hội của người Hàn Quốc. Nội dung các chủ đề và bài tập thực hành không những giúp sinh viên thực hành nói tiếng Hàn mà còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng trình bày suy nghĩ cũng như bày tỏ ý kiến của bản thân về các tình huống thực tế trong cuộc sống hàng ngày.
3.9	KOR3114K	Ngữ pháp và viết 4	3	Học phần Ngữ pháp và viết 4 cung cấp cho sinh viên các điểm ngữ pháp, mẫu câu và hội thoại phổ biến trong hoạt động đời sống hằng ngày như đến cơ quan công cộng, gọi điện thoại, đi bệnh viện, đi du lịch, việc trong nhà. v.v... Học phần được thực hiện với mục tiêu trang bị cho sinh viên những cấu trúc ngữ pháp cơ bản tương ứng với trình độ sơ cấp 3, nâng cao và đa dạng hóa các điểm ngữ pháp, giúp sinh viên có những ứng dụng đa dạng hơn trong các tình huống giao tiếp tiếng Hàn.
3.10	KOR3115K	Đọc 4		Học phần Đọc 4 cung cấp cho sinh viên những nội dung liên quan đến cuộc sống cá nhân, văn hoá giao tiếp, phong tục tập quán... được viết theo nhiều thể loại đa dạng như bút ký, ký sự, cảm nhận, thuyết trình, phỏng vấn, quảng cáo... Các chủ đề nhỏ được biên soạn theo nhiều mức độ khó dễ khác nhau tùy theo thể loại, giúp người học có thể tập thích nghi với chúng; trước khi vào bài đọc chính thường có hình ảnh minh họa và phần câu hỏi dẫn nhập, giúp người học có thể tự hình dung và liên tưởng đến vấn đề cần giải quyết. Trình tự ở các bài được bố trí cụ thể như sau: hình ảnh minh họa, câu hỏi gợi mở, bài đọc chính, luyện tập từ vựng, tìm hiểu nội dung, bài đọc thêm.
3.11	KOR2116K	Nghe 4	2	Học phần Nghe 4 cung cấp cho sinh viên nội dung nghe xoay quanh các hoạt động thường đời sống Hàn Quốc, tiếp theo các chủ đề đã học ở học phần 3: cơ quan công cộng, điện thoại (tt), bệnh viện, du lịch, việc trong nhà, v.v... Các câu nói thông

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				dụng dành cho những sinh viên có kiến thức tiếng Hàn ở trình độ trung cấp.
3.12	KOR2117K	Nói 4	2	Học phần Nói 4 cung cấp cho sinh viên các mẫu hội thoại liên quan đến cuộc sống thường nhật như: làm tóc, đời sống du học, hỏi thăm, kế hoạch tương lai, so sánh đối chiếu, v.v... Ngoài ra còn có các bài hội thoại trong giáo trình tham khảo cũng với các nội dung như trên. Thông qua nội dung các bài học, sinh viên còn có thể tìm hiểu về văn hóa ứng xử và đời sống xã hội của người Hàn Quốc. Nội dung các chủ đề và bài tập thực hành không những giúp sinh viên thực hành nói tiếng Hàn mà còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng trình bày suy nghĩ cũng như bày tỏ ý kiến của bản thân về các tình huống thực tế trong cuộc sống hàng ngày.
3.13	KOR2118K	Viết nâng cao	2	Học phần Viết nâng cao cung cấp đến sinh viên các chủ đề chính liên quan đến lĩnh vực hay hoạt động nào đó trong sinh hoạt của người Hàn ở trình độ cao như: vấn đề xã hội Hàn Quốc, văn hóa Hàn Quốc, kiến thức xã hội, v.v... và đưa ra quan điểm của bản thân với các vấn đề tương tự. Ngoài ra, để giúp sinh viên ôn tập lại những kiến thức đã học cũng như phát triển kỹ năng tư duy tổng hợp; giúp sinh viên làm quen với việc thi TOPIK môn Viết, khoảng 3~4 tuần, sinh viên sẽ có một buổi giải đề thi năng lực tiếng Hàn ở trình độ Trung cấp (kỹ năng Viết).
3.14.1	KOR1125K	Lý thuyết biên phiên dịch tiếng Hàn	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết và phương pháp học môn biên phiên dịch tiếng Hàn. Nội dung chính của học phần bao gồm: (a) Phần lý thuyết cơ bản về cấu trúc câu tiếng Hàn: Ngữ pháp tiếng Hàn, cấu trúc câu tiếng Hàn; (b) Phần lý thuyết về biên dịch (từ tiếng Hàn sang tiếng Việt và tiếng Việt sang tiếng Hàn); (c) Phần thực hành: Thực hành biên dịch văn bản trong các tình huống cụ thể, biên dịch văn bản trong các sự kiện ở một số lãnh vực (văn hóa, giáo dục, thương mại, du lịch v.v...)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
3.15.1	KOR1153K	Phiên dịch tiếng Hàn	3	Học phần cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật phiên dịch tiếng Hàn. Nội dung chính của học phần bao gồm lý thuyết và thực hành. Phần thực hành: Thực hành phiên dịch Hàn-Việt, Việt Hàn trong các tình huống cụ thể, biên dịch văn bản trong các sự kiện ở các lĩnh vực đa dạng với cấp độ bài luyện dịch đi từ dễ đến khó, với nội dung đa dạng bao gồm những chủ đề đời sống thường nhật, xã hội, kinh tế, du lịch v.v...
3.16.1	KOR1154K	Biên phiên dịch tiếng Hàn	3	Học phần cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật phiên dịch tiếng Hàn. Nội dung chính của học phần bao gồm lý thuyết và thực hành. Phần thực hành: Thực hành biên dịch Hàn-Việt, Việt Hàn các văn bản thuộc nhiều lĩnh vực cụ thể, biên dịch văn bản trong các sự kiện ở các lĩnh vực đa dạng với cấp độ bài luyện dịch đi từ dễ đến khó, với nội dung đa dạng bao gồm những chủ đề đời sống thường nhật, xã hội, kinh tế, du lịch, báo chí, v.v...
3.17.1	KOR1140K	Dịch văn bản tiếng Hàn	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kỹ thuật biên dịch và trình bày các loại văn bản cơ bản bằng tiếng Hàn. Nội dung chính của học phần bao gồm lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết bao gồm giới thiệu các loại văn bản, quy cách trình bày. Phần thực hành: Thực hành biên dịch các văn bản điển hình như: Thư ngỏ, thư mời, giấy tiến cử, thư cảm ơn, các nội dung thông báo (trong công ty), thông tin tuyển dụng, thông cáo báo chí, v.v.. từ cấp độ dễ đến khó.
3.18.1	KOR1155K	Thông dịch luân phiên tiếng Hàn	3	Học phần Thông dịch luân phiên tiếng Hàn cung cấp cho người học lý thuyết về nguyên tắc và những cách thức của thông dịch đồng thời. Phần thực hành: Thực hành Thông dịch luân phiên tiếng Hàn các bài diễn thuyết, bài phát biểu, diễn đàn tranh luận, nội dung phát thanh truyền hình, v.v...
3.14.2	KOR1156K	Nhập môn khoa học du lịch	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nhập môn về du lịch nói chung và du lịch Hàn Quốc nói riêng như: du lịch với lịch sử, du lịch với văn hóa, du lịch với môi trường, tâm lý du lịch khách hàng, v.v... Trong quá trình học, sinh viên học được các kỹ năng như: kỹ năng đọc – hiểu các bài khóa về các khu vực – vùng du lịch ở Hàn Quốc, v.v...

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
3.15.2	KOR1141K	Địa lý du lịch Hàn Quốc	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về những đặc điểm địa lý và dân cư ở Hàn Quốc nói chung và từng khu vực địa lý nói riêng thông qua những các chủ đề đa dạng như: vị trí địa lý, địa hình (đồi núi, sông ngòi, biển đảo, đồng bằng), khí hậu, lễ hội vùng miền, các vấn đề du lịch Hàn Quốc, v.v... Trong quá trình học, sinh viên học được các kỹ năng như: kỹ năng đọc – hiểu các loại bản đồ, kỹ năng thuyết trình về các khu vực – vùng du lịch ở Hàn Quốc, v.v...
3.16.2	KOR1142K	Tiếng Hàn du lịch ứng dụng	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về tiếng Hàn du lịch và ứng dụng vào các hoạt động giao tiếp cụ thể. Nội dung chính của học phần bao gồm tiếng Hàn du lịch ứng dụng trong các lĩnh vực như: nhà hàng, khách sạn, tuyến điểm du lịch, loại hình du lịch, du lịch lễ hội, v.v... Trong quá trình học, sinh viên học được các kỹ năng ứng dụng như: xây dựng các kế hoạch du lịch cho đối tượng là người Hàn, kỹ năng giao tiếp với khách du lịch ở các tình huống cụ thể, v.v...
3.17.2	KOR1127K	Kỹ năng hướng dẫn du lịch bằng tiếng Hàn	3	Học phần giúp sinh viên tiếp cận, làm quen với công việc thiết kế lịch trình và hướng dẫn du lịch bằng tiếng Hàn như lên lịch trình, đón tiếp khách, hướng dẫn ở nhà hàng và khách sạn, hướng dẫn nhận phòng và trả phòng khách sạn, hướng dẫn tại khu du lịch, thay đổi lịch trình du lịch, tìm hiểu tâm lý du lịch của người Hàn, v.v... Thông qua quá trình tìm hiểu khối kiến thức liên quan đến tác phong và nghiệp vụ của một hướng dẫn viên du lịch tiếng Hàn, hiểu về tâm lý du lịch của khách Hàn Quốc sinh viên sẽ được thực hành bằng cách đưa ra các tình huống giao tiếp trong du lịch và vận dụng những kiến thức này vào thực tế hướng dẫn du lịch một cách thuần thục. Bên cạnh đó, sinh viên được ôn tập lại kiến thức ngữ pháp và biểu hiện trong tiếng Hàn đồng thời có cơ hội tiếp xúc với hệ thống thuật ngữ cơ bản chuyên ngành du lịch, luyện kỹ năng nghe - nói - phát âm tốt và phương pháp đàm thoại cơ bản như người bản xứ.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
3.18.2	KOR1157K	Văn hóa Hàn Quốc	3	Học phần Nghe hiểu Văn hóa Xã hội Hàn Quốc chủ yếu tập trung cung cấp cho sinh viên những từ vựng và kiến thức liên quan Văn hóa Hàn Quốc trong xã hội ngày nay như: hình thái và sự biến đổi của xã hội Hàn Quốc từ quá khứ đến hiện đại, văn hóa truyền thống trong xã hội Hàn ngày nay, văn hóa đại chúng Hàn Quốc, v.v... Nội dung học phần được thiết kế với các bài nghe và đọc hiểu đa dạng nhằm cung cấp kiến thức cần thiết và nâng cao khả năng sử dụng tiếng Hàn cho sinh viên ở trình độ cao cấp.
3.14.3	KOR1145K	Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về đặc trưng văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc và văn hóa kinh doanh của người Hàn Quốc, kinh nghiệm làm việc tại doanh nghiệp Hàn Quốc cho sinh viên ngành ngành Hàn. Học phần bao gồm các nội dung: Văn hóa giao tiếp, phép lịch sự trong giao tiếp tiếng Hàn; Bồi dưỡng năng lực giao tiếp, sử dụng từ ngữ chuyên môn cao cấp trong giao tiếp công sở, giải quyết các tình huống trong thực tế đọc hiểu và viết trả lời thư từ, văn bản thương mại, cách xưng hô, ứng xử với đồng nghiệp và đối tác trong công sở. Văn hóa kinh doanh Hàn Quốc cũng sẽ gợi mở nhiều đề tài về ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc để sinh viên bước đầu tìm hiểu và làm quen với phương pháp học đại học, phương pháp viết tiểu luận, v.v...
3.15.3	KOR1128K	Nghiệp vụ ngoại thương	3	Học phần Nghiệp vụ ngoại thương trang bị cho sinh viên các kiến thức về việc trao đổi và giao dịch với đối tác là công ty, khách hàng bằng tiếng Hàn, nội dung môn học được thiết kế dựa trên những chủ đề trao đổi hay giao dịch trong nội bộ hay bên ngoài công ty, xí nghiệp. Cụ thể như giới thiệu mặt hàng với khách hàng, xin lịch hẹn làm việc hay xin xác nhận lịch đến làm việc với công ty đối tác, báo cáo nội dung làm việc v.v...). Ngoài ra, học phần này còn cung cấp cho sinh viên những thông tin cơ bản về các hình thức xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Hàn Quốc nhằm bổ sung kiến thức kinh tế - thương mại cho sinh viên khi ra trường xin việc.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
3.16.3	KOR1129K	Đàm thoại thương mại bằng tiếng Hàn	3	Học phần Đàm thoại thương mại bằng tiếng Hàn cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng chuyên ngành tiếng Hàn liên quan nghiệp vụ thương mại và giao tiếp trong kinh doanh. Ở học phần này, sinh viên được thực hành các nghiệp vụ hành chính và giao tiếp kinh doanh qua các tình huống cụ thể liên quan đến nghiệp vụ kinh tế và hoạt động thương mại Hàn Quốc, nắm được những nghiệp vụ thương mại và giao tiếp kinh doanh cần thiết tùy theo môi trường giao thương với đối tác Hàn Quốc tại Việt Nam.
3.17.3	KOR1130K	Kỹ năng viết email bằng tiếng Hàn	3	Học phần Kỹ năng viết email bằng tiếng Hàn trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về ngôn ngữ để soạn thảo email và văn bản trao đổi thương mại bằng tiếng Hàn, cũ thể như: mẫu văn bản, thư tín trong đời sống; mẫu văn bản, thư tín trong các lĩnh vực: giao dịch thương mại thông thường, văn bản trao đổi trong công ty – doanh nghiệp, các loại báo cáo – thư mời – thông báo ... trong cơ quan hành chính và doanh nghiệp Hàn Quốc. Ở học phần này, sinh viên có thể hiểu các thuật ngữ hành chính, các khái niệm và cách biểu đạt ngôn từ trong văn bản thư tín tiếng Hàn, hiểu biết về các loại mẫu thư tín văn bản hành chính tiêu biểu của Hàn Quốc, vận dụng kiến thức ngôn ngữ Hàn Quốc ở bậc Trung cấp để soạn thảo các mẫu văn bản hành chính điển hình của Hàn Quốc.
3.18.3	KOR1158K	Kinh tế song phương Việt-Hàn	3	Học phần Kinh tế song phương Việt-Hàn cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về kinh tế của Việt Nam và Hàn Quốc. Đồng thời với các chủ đề được nêu ra trong học phần như các giai đoạn phát triển của kinh tế Việt và Hàn, quá trình và thành tựu trong hoạt động giao lưu kinh tế giữa Việt Nam và Hàn Quốc v.v... sẽ giúp người học trang bị thêm các kiến thức cần thiết trong các hoạt động giao dịch, thương mại với Hàn Quốc.
3.14.4	KOR1159K	Hình thái học tiếng Hàn Quốc	3	Học phần Hình thái học tiếng Hàn trang bị cho sinh viên các kiến thức về hình thái học trong tiếng Hàn bao gồm, hình vị học tiếng Hàn, tự vựng và ngữ pháp tiếng Hàn. Học phần này còn giúp sinh viên phân tích được sự khác và giống nhau dưới cái nhìn ngôn ngữ học so sánh đối chiếu Việt – Hàn nhằm phục vụ cho việc giảng dạy tiếng Hàn trong tương lai.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
3.15.4	KOR1160K	Lý luận giảng dạy tiếng Hàn Quốc	3	Học phần Lý luận giảng dạy tiếng Hàn trang bị cho sinh viên các kiến thức về lý luận giảng dạy tiếng Hàn thông qua các bài học cụ thể nhưng các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ, phương pháp kiểm tra đánh giá. Học phần này còn giúp sinh viên nắm được cách xây dựng bài giảng ứng với các đối tượng học đa dạng, cách chọn lựa giáo trình và phương tiện hỗ trợ giảng dạy hiệu quả.
3.16.4	KOR1132K	Phương pháp giảng dạy tiếng Hàn	3	Học phần Phương pháp giảng dạy tiếng Hàn trang bị cho sinh viên các kiến thức về phương pháp giảng dạy tiếng Hàn thông qua các bài học cụ thể. Nội dung học phần được xây dựng dựa trên các nội dung giảng dạy tiếng Hàn như: giảng dạy từ vựng, giảng dạy ngữ pháp, giảng dạy kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.
3.17.4	KOR1133K	Thực hành giảng dạy tiếng Hàn	3	Học phần Thực hành giảng dạy tiếng Hàn trang bị cho sinh viên các kiến thức và thực hành các tổ chức lớp học tiếng Hàn theo từng kỹ năng cụ thể như: nghe, nói, đọc, viết cũng như các nội dung trong giảng dạy tiếng Hàn như: từ vựng, ngữ pháp... ở các lĩnh vực kinh tế - thương mại, du lịch, văn hóa, v.v...
3.18.4	KOR1161K	Ngữ pháp tiếng Hàn tổng hợp	3	Học phần Ngữ pháp tiếng Hàn tổng hợp cung cấp cho người học kiến thức về luận cú pháp trong tiếng Hàn, nguyên tắc hình thành các cấu trúc tiếng ngữ pháp trong tiếng Hàn cả các cấp độ sơ cấp – trung cấp – cao cấp, các lỗi sai về ngữ pháp tiếng Hàn thường gặp của người Việt và các điều cần lưu ý trong giảng dạy tiếng Hàn cho người Việt.
4. Kiến thức bổ trợ				
4.1	SKI1107	Project design 1	3	Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về tư duy thiết kế dự án theo quy trình logic, khoa học. Trong quy trình này người học sẽ chủ động khám phá và xác định các vấn đề cần giải quyết. Bằng cách phân tích các vấn đề thực tế trong xã hội dựa trên cơ sở dữ liệu, người học sẽ nắm bắt được các kỹ thuật cần thiết để đưa ra phương án giải quyết mới có tính đổi mới, sáng tạo. Người học đề xuất ý tưởng, kiểm chứng mức độ khả thi thông qua các hoạt động nhóm. Trong quá trình thực hiện dự án người học rèn luyện khả năng tự tìm tòi, năng lực suy nghĩ, phán đoán, khả

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				năng diễn đạt, năng lực giao tiếp và khả năng lãnh đạo. Các dự án sáng tạo, đổi mới có tính ứng dụng cao trong thực tiễn, đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc.
4.2	SKI1108	Project design 2	3	Học phần cung cấp quy trình thương mại hóa ý tưởng kinh doanh một cách logic, khoa học nhằm trang bị cho sinh viên tư duy trong đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Học phần tập trung phát triển các ý tưởng kinh doanh, áp dụng mô hình NABC (Needs – Approach – Benefits/ Costs – Competition) trong việc mô tả và diễn đạt tuyên ngôn giá trị của các ý tưởng kinh doanh. Dự án sáng tạo nhóm sẽ được liên tục gia tăng giá trị thông qua quá trình cải tiến giá trị liên tục (Value Creation Forum: VCF) và được thể hiện qua Poster nhằm cung cấp cho khách hàng/ các bên liên quan bức tranh tổng quan nhất về dự án. Mỗi nhóm đóng vai trò như một mô hình của một tổ chức hoặc doanh nghiệp để hoàn thiện dự án thông qua các hoạt động: khảo sát, đánh giá, phân tích thị trường, công nghệ, khách hàng, kiểm nghiệm ý tưởng trước khi đưa ra thị trường nhằm góp phần đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (Sustainable Development Goals: SDGs).
4.3	DMK1101	Công dân số	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng, và tư duy khi gia nhập vào thế giới số với sự kết nối toàn cầu qua mạng Internet. Người học sẽ được tìm hiểu về các nội dung: cách trở thành thành viên của thế giới số và tận dụng cơ hội để phát triển bản thân; cách hành xử đúng mực, văn minh trên cộng đồng mạng, và cách bảo vệ bản thân trước những rủi ro và tác hại tiêu cực của môi trường số.
4.4	ECO1113	Công dân toàn cầu	3	Học phần trình bày cho sinh viên những vấn đề cơ bản liên quan đến công dân toàn cầu. Sinh viên có thể áp dụng những kiến thức từ học phần để xây dựng lộ trình trở thành công dân toàn cầu và thực hiện các dự án vì cộng đồng. Học phần này có các nội dung chính: toàn cầu hóa, xã hội, chính trị, môi trường, kỷ nguyên số, xây dựng lộ trình để trở thành công dân toàn cầu.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
4.5	JPN1163	Đặc nhân tâm phong cách Nhật Bản	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cách cư xử, ứng xử và giao tiếp với mọi người để đạt được thành công trong cuộc sống của người Nhật. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học hiểu rõ bản thân, thành thật với chính mình, hiểu biết và quan tâm đến những người xung quanh để nhìn ra và khơi gợi những tiềm năng ẩn khuất, giúp phát triển bản thân lên một tầm cao mới.
4.6	JPN1108	Đất nước học Nhật Bản	3	Học phần cung cấp những thông tin chi tiết về nhiều khía cạnh của đất nước Nhật Bản, như địa lí, lịch sử, kinh tế, chính trị, xã hội, ngoại giao,... Ngoài ra, nội dung học phần còn đề cập đến nhiều vấn đề mang tính chất vĩ mô đất nước Nhật Bản: giao thông, thương mại, quốc phòng,... Thông qua học phần, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về đất nước, con người Nhật Bản với những nét văn hóa, truyền thống độc đáo, góp phần tăng thêm sự hiểu biết quốc tế tốt hơn thông qua các mô tả chân thực, đầy quyền rũ của Nhật Bản.
4.7	CHI1122	Đất nước học Trung Quốc	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về đất nước và con người Trung Quốc, giúp sinh viên khái quát về những nét đặc trưng ở các lĩnh vực của Trung Quốc. Nội dung học phần phong phú, các chủ đề đa dạng, bao gồm các lĩnh vực địa lý, lịch sử, dân số, chính trị, kinh tế, giáo dục, tư tưởng, tôn giáo, nghệ thuật Trung Quốc...
4.8	ECO1108	Địa lý kinh tế thế giới	3	Học phần giới thiệu cho người học hiểu về hệ thống lãnh thổ kinh tế - xã hội thế giới; mối quan hệ tương tác chủ yếu trong và giữa các quốc gia phát triển và đang phát triển trên thế giới trong thời kỳ hiện đại như những đặc điểm phát triển kinh tế nổi bật của các khu vực trên thế giới, những biến động chính trị, xã hội tác động đến kinh tế của từng khu vực trong bối cảnh toàn cầu hóa. Học phần cũng sử dụng biện pháp minh họa bằng bản đồ kinh tế - chính trị - xã hội và những thay đổi đáng kể gần đây đối với từng khu vực trong nền kinh tế thế giới.
4.9	PSY1137	Giáo dục sức khỏe tinh thần	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và thái độ cơ bản nhất liên quan đến sức khỏe tinh thần như: Tổng quan sức khỏe tinh thần; Một số rối loạn tinh thần thường gặp; Định

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				kiến và kỳ thị về sức khỏe tinh thần; Bối cảnh xã hội của rối loạn tinh thần; Sức khỏe tinh thần ở cộng đồng; Sức khỏe tinh thần ở sinh viên; Đa dạng tính dục; Chăm sóc sức khỏe tinh thần. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể chủ động trong việc nhận diện, phòng ngừa, chăm sóc sức khỏe tâm thần của bản thân và người khác.
4.10	ENC1121	Giao tiếp liên văn hóa	3	Học phần giúp sinh viên có cái nhìn đa chiều về sự việc, hiện tượng có liên quan đến văn hóa của một địa phương, vùng, toàn cầu, giúp sinh viên tôn trọng sự khác biệt, tôn trọng giá trị đạo đức riêng của mỗi dân tộc được tham chiếu từ chính những chuẩn mực văn hóa của riêng họ nhằm tăng năng lực giao tiếp liên văn hóa với người khác. Thông qua học phần, vấn đề toàn cầu hóa và giao thương quốc tế, những nguyên nhân gây đổ vỡ trong giao tiếp khác vùng miền, khác quốc gia nhìn dưới góc độ văn hóa sẽ được đưa ra bàn luận dưới nhiều góc nhìn khác nhau. Người học có thể hiểu được những khác biệt văn hóa, những giá trị văn hóa đối lập và những khác biệt trong giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trên thế giới.
4.11	BUS1115	Khởi nghiệp	3	Học phần được thiết kế dành cho hệ cơ bản về những nguyên tắc và kiến thức cốt lõi khi khởi nghiệp. Học xong học phần này, sinh viên có thể tự thiết kế, xây dựng và điều hành một công ty hoặc dự án nhỏ. Ngoài ra, học phần giúp người học hiện thực hóa được những ý tưởng kinh doanh để từ đó tạo dựng được một quy trình kinh doanh nhỏ bắt đầu từ ý tưởng sáng tạo.
4.12	LAW1195	Luật công bằng và tín thác	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc công bằng (equity) và luật tín thác (trust), cung cấp kiến thức đầy đủ về các khái niệm, nguyên tắc và ứng dụng của công bằng và tín thác trong hệ thống pháp luật. Học phần tập trung vào các nội dung sau: (i) Nghiên cứu về nguồn gốc và sự phát triển của công bằng và tín thác; (ii) Nghiên cứu về các loại hình tín thác, cách thức thành lập và quản lý tín thác; (iii) Nghiên cứu về quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong tín thác; (iv) Nghiên cứu về các biện pháp bảo vệ quyền lợi trong công bằng, bao gồm các biện pháp khắc phục công bằng và trách nhiệm ủy thác (fiduciary duties).

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
4.13	LAW1111	Luật thương mại	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động thương mại và dịch vụ, nắm bắt được những nội dung cơ bản về một số vấn đề pháp luật có liên quan đến thương nhân. Pháp luật về các hoạt động thương mại theo pháp luật Việt Nam, bao gồm những nội dung cơ bản sau: khái niệm về thương nhân và về các hoạt động thương mại; các hoạt động thương mại cụ thể; quyền và nghĩa vụ của các thương nhân trong hoạt động thương mại; các chế tài trong hoạt động thương mại.
4.14	LAW1116	Luật quốc tế	3	Học phần cung cấp những kiến thức sau: Nguồn gốc, khái niệm, đặc trưng, cấu trúc, quy phạm và bản chất của luật quốc tế; Phân biệt luật quốc tế và luật quốc gia; Mối quan hệ biện chứng giữa luật quốc tế với luật quốc gia; Các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; Hệ thống và đặc điểm của nguồn luật quốc tế; Những nội dung cơ bản về dân cư, lãnh thổ- biên giới quốc gia; Những nội dung cơ bản về luật biển quốc tế, luật ngoại giao- lãnh sự.
4.15	GPD1135	Nghệ thuật học cơ bản	3	Học phần nhằm truyền cảm hứng, mong muốn thưởng thức, cảm thụ nghệ thuật cho sinh viên. Phát triển sự hiểu biết cơ bản về 7 loại hình nghệ thuật: Kiến trúc, Hội họa, Điêu khắc, Âm nhạc, Văn học, Sân khấu, Điện ảnh. Những kiến thức này giúp gia tăng trí tuệ cảm xúc, góp phần tạo ra một đời sống cân bằng cho sinh viên trong quá trình hoạt động nghề nghiệp. Qua học phần, sinh viên sẽ có một đời sống tinh thần phong phú, phát triển thêm những kỹ năng mềm giúp ích cho nghề nghiệp sau này.
4.16	HRM1111	Nghệ thuật lãnh đạo	3	Học phần giới thiệu sự tương quan giữa quản lý và lãnh đạo. Những yêu cầu và phẩm chất cần thiết để trở thành nhà lãnh đạo nhóm, lãnh đạo tổ chức. Các phong cách lãnh đạo: phong cách dân chủ, phong cách độc đoán, phong cách tự do. Nhấn mạnh tính nghệ thuật trong lãnh đạo với những đặc trưng như: tính sáng tạo-độc đáo, tính linh hoạt, tính tổng hợp, tính hiệu quả thực tế, tính khoa học và các nội dung cơ bản của nghệ thuật lãnh đạo như: nghệ thuật điều hành, nghệ thuật giao tiếp, nghệ thuật động viên-khích lệ, nghệ thuật sử dụng quyền lực, nghệ thuật dùng người,

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				nghệ thuật tùy cơ ứng biến... Học phần cũng đề cập đến vai trò, trách nhiệm của người lãnh đạo nhóm: trách nhiệm đối với cá nhân, trách nhiệm đối với công việc, trách nhiệm đối với nhóm và thể hiện vai trò lãnh đạo nhóm. Phân biệt quyền hạn và quyền lực, nghệ thuật giao quyền và ủy quyền công việc hiệu quả. Giới thiệu nghệ thuật phát hiện, lựa chọn và sử dụng nhân tài; một nhiệm vụ rất quan trọng đối với người làm công tác quản lý.
4.17	HMM1137	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp	3	Học phần trang bị những kiến thức và kỹ năng liên quan đến phong cách, trang phục, hình thể. Bên cạnh đó, học phần còn giúp người học phát triển được những kỹ năng liên quan đến xây dựng hình ảnh cá nhân, lựa chọn trang phục, giao tiếp với đồng nghiệp và khách hàng, nói chuyện qua điện thoại, ngôn ngữ biểu cảm, kiểm soát cảm xúc, kỹ năng đi đứng nhẹ nhàng....nhằm tạo dựng cho từng cá nhân hình ảnh chuyên nghiệp và tạo ấn tượng nơi làm việc, góp phần nâng cao hiệu quả công việc và tăng sự hài lòng cho đồng nghiệp, đối tác và khách hàng. Từ đó, đáp ứng được yêu cầu cơ bản đối với những nhân sự làm việc trong ngành dịch vụ.
4.18	IRE1130	Nghệ vụ ngoại giao	3	Môn học cung cấp cho sinh viên một số công tác của nghiệp vụ ngoại giao như công tác lễ tân ngoại giao, công tác lãnh sự, công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại, công tác tiếp xúc, đàm phán ngoại giao, công tác nghiên cứu ngoại giao; Người học sẽ được trang bị các kiến thức lý thuyết và thực tiễn về hoạt động lễ tân ngoại giao của các quốc gia cũng như của Việt Nam. Môn học gồm 4 nhóm vấn đề chính: (1) Khái quát về lễ tân ngoại giao; (2) Ngôi thứ và cách sắp xếp vị trí trong lễ tân ngoại giao; (3) Nghi thức ngoại giao; (4) Tiệc ngoại giao và cách tổ chức.
4.19	DAS1125	Nhập môn chuyển đổi số	3	Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng về xu hướng chuyển đổi số trên thế giới và Việt Nam, định nghĩa và khái niệm chuyển đổi số cho doanh nghiệp, lộ trình chuyển đổi số cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các công cụ đánh giá mức độ sẵn sàng trong chuyển đổi số của doanh nghiệp vừa và nhỏ, và các giải pháp công nghệ theo lộ trình chuyển đổi số.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
4.20	IRE1108	Những vấn đề toàn cầu	3	Học phần cung cấp bức tranh toàn cảnh về các vấn đề toàn cầu hiện nay trên thế giới. Học phần đi sâu giới thiệu về những vấn đề toàn cầu nổi bật hiện nay trên thế giới cũng như đối với Việt Nam như vũ khí hủy diệt hàng loạt, môi trường, dân số, tội phạm quốc tế, năng lượng, đói nghèo,... Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về các vấn đề toàn cầu từ khái niệm, phân loại, quá trình hình thành và phát triển, thực trạng hiện nay, tình hình và các phương thức hợp tác quốc tế, thuận lợi và khó khăn trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu. Môn học cũng giới thiệu cơ sở lý luận về vấn đề toàn cầu như khái niệm và phân loại, nền tảng quy định tính toàn cầu của vấn đề, các lý thuyết và quan niệm khác nhau trong từng vấn đề toàn cầu. Qua đó, môn học góp phần trang bị cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, giúp sinh viên có khả năng phân tích các hiện tượng và vấn đề khác nhau trong thực tiễn quan hệ quốc tế.
4.21	DAS1124	Phân tích dữ liệu ứng dụng	3	Học phần giới thiệu các kỹ thuật và tư duy phân tích dữ liệu cơ bản qua các ứng dụng cụ thể. Cụ thể học phần sẽ trình bày về các phương pháp phân tích dữ liệu sử dụng Excel và áp dụng trong các lĩnh vực cụ thể như kinh tế-kinh doanh, tài chính, marketing, bất động sản, ... Qua đó sẽ khai phá được những thông tin hữu ích của dữ liệu, mang đến nhiều lợi ích cho tổ chức, doanh nghiệp.
4.22	LAW1107	Pháp luật về doanh nghiệp	3	Học phần Pháp luật doanh nghiệp là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và những quy định pháp luật về doanh nghiệp; cung cấp cho sinh viên kiến thức đầy đủ về mô hình doanh nghiệp, thủ tục thành lập doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức quản lý doanh nghiệp, tổ chức lại doanh nghiệp, giải thể và phá sản doanh nghiệp. Theo đó, học phần tập trung vào những nội dung cơ bản sau: • Nghiên cứu về điều kiện thành lập, tổ chức, quản lý và tài chính của các chủ thể kinh doanh. • Nghiên cứu về dấu hiệu phá sản doanh nghiệp; Giải quyết phá sản doanh nghiệp, theo quy

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				định của pháp luật. Nghiên cứu về giải thể, các cách thức tổ chức lại doanh nghiệp.
4.23	IRE1151	Phát triển bền vững	3	Học phần Phát triển bền vững ngày càng quan trọng, phản ánh sự nhận thức ngày càng tăng về nhu cầu tiếp cận phát triển toàn diện và bền vững. Học phần này có tính liên ngành cao, trang bị cho sinh viên kiến thức và hiểu biết về các nguyên tắc, thách thức và giải pháp tiềm năng của phát triển bền vững, được tích hợp phù hợp với nhiều chuyên ngành khác nhau. Học phần giới thiệu các khái niệm cốt lõi như sự kết nối của các hệ thống xã hội, kinh tế và môi trường, tầm quan trọng của quản lý tài nguyên cùng nguyên tắc công bằng giữa các thế hệ. Học phần nhấn mạnh các ứng dụng thực tiễn thông qua các nghiên cứu điển hình, dự án và sự tham gia của cộng đồng, cho phép sinh viên áp dụng kiến thức vào các vấn đề thực tế. Sinh viên được khuyến khích phân tích phản biện các vấn đề phức tạp, đánh giá các quan điểm khác nhau và phát triển các giải pháp sáng tạo cho phát triển bền vững. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ có nhận thức sâu sắc về tính cấp thiết của phát triển bền vững, thể hiện trách nhiệm xã hội rõ ràng, nhận diện hiệu quả các vấn đề thực tiễn và chủ động hành động một cách có ý thức.
4.24	FIN1152	Quản lý tài chính cá nhân	3	Trong trong bối cảnh cuộc sống thay đổi nhanh chóng như hiện nay, con người ngày càng thường xuyên phải đối mặt với những biến động diễn ra ngoài dự kiến như: nền kinh tế suy thoái, phá sản, thất nghiệp, tử vong đột ngột...làm những mục tiêu tương lai có nguy cơ khó thành hiện thực. Quản lý tài chính tài chính trở nên một công việc vô cùng cần thiết, giúp cá nhân có sự chuẩn bị vững chắc trong tương lai và đem lại sự cân bằng ổn định trong cuộc sống. Quản lý tài chính giúp cá nhân xây dựng định hướng trong những lĩnh vực quan trọng: từ lựa chọn nghề nghiệp, lập kế hoạch ngân sách, danh mục đầu tư tài chính cá nhân đến lập kế hoạch cho tuổi già, tuổi nghỉ hưu...Một tình hình tài chính lành mạnh sẽ giúp

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				cá nhân chủ động trong những quyết định, đạt được những mục tiêu đã đề ra, và được bảo vệ an toàn hơn trước những biến cố. Học phần này nghiên cứu những khái niệm, nguyên tắc, công cụ và phương pháp vận dụng kiến thức quản lý tài chính cá nhân trong một số lĩnh vực chính của cuộc sống nhằm xây dựng nền tảng tài chính vững chắc trong tương lai. Nội dung cốt lõi của học phần này bao gồm 3 phần: (1) lên kế hoạch tài chính cá nhân; (2) quản lý tài sản cá nhân, tín dụng, bảo hiểm, đầu tư; và (3) là hoạch định cho tuổi già, tuổi hưu trí và di sản.
4.25	IBU1115	Quản trị chiến lược toàn cầu	3	Học phần giúp sinh viên hiểu được động lực thúc đẩy toàn cầu hóa tập hợp các khía cạnh quản lý chiến lược toàn cầu ở các công ty toàn cầu. Đồng thời cung cấp kiến thức và kỹ năng quản lý chiến lược thực tế cho sinh viên phải đối mặt với việc toàn cầu hóa của doanh nghiệp, đối phó với những vấn đề quản lý toàn cầu.
4.26	PSY1103	Tâm lý giao tiếp	3	Học phần cung cấp những kiến thức căn bản, nền tảng về tâm lý học; Nhận diện các hiện tượng tâm lý người; hiểu biết về sự đa dạng phong phú trong đời sống tâm lý con người; Nắm vững các quy luật hình thành hiện tượng tâm lý người; Nhận thức các yếu tố khách quan và chủ quan quy định nên tâm lý người; Cung cấp những kiến thức lí luận về giao tiếp và ứng xử (khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò và những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng đến giao tiếp- ứng xử); Cấu trúc của hành vi giao tiếp, những hình thức và phương tiện giao tiếp - ứng xử; Bản chất của giao tiếp; Kỹ năng và hiệu quả trong giao tiếp ứng xử.
4.27	ADS1101	Thuyết trình sáng tạo	3	Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết và thực hành các kỹ thuật trình bày vấn đề, thể hiện ý tưởng, thuyết phục người nghe, nhằm giúp người học làm chủ quá trình trình bày các ý tưởng quảng cáo, các giải pháp và kế hoạch, chiến lược quảng cáo, thuyết phục khách hàng. Học phần bao gồm các phần từ xác định mục tiêu, sáng tạo ý tưởng, chuẩn bị nội dung, chuẩn bị phương tiện, kỹ thuật trình bày và các công nghệ hỗ trợ. Học phần nhấn mạnh đến sự kết hợp giữa tính sáng tạo, độc đáo trong ý tưởng quảng cáo và tính sáng tạo, hiệu quả trong phương thức trình bày, thuyết phục;

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				nhằm tạo ra những phần trình bày ấn tượng, hỗ trợ tích cực cho các hoạt động thương mại: chào bán sản phẩm, trình bày, đàm phán thương lượng... trong lĩnh vực quảng cáo.
4.28	DMK1114	Tư duy thẩm mỹ	3	Học phần giúp người học bồi dưỡng năng lực tư duy thẩm mỹ, không chỉ trong phạm vi nghệ thuật, mà còn là ở tất cả các lĩnh vực khác trong đời sống. Người học sẽ được tiếp cận và nắm bắt được khái niệm về giá trị thẩm mỹ từ các hoạt động vui chơi giải trí đến hoạt động lễ hội, văn hoá, thể thao, hay ngay cả hoạt động lao động sản xuất, giáo dục, y tế, quân sự,... Môn học còn trang bị cho người học kiến thức mỹ học trong đa dạng ngành nghề và tạo điều kiện để người học phát triển tư duy thẩm mỹ của bản thân trong tương lai.
4.29	TOU1145	Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách sạn	3	Học phần được thiết kế để giúp sinh viên nâng cao kỹ năng và kiến thức về văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách sạn. Sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản đến nâng cao về ứng xử tại bàn tiệc, cách sử dụng các dụng cụ ăn uống một cách lịch sự và chuyên nghiệp, cũng như các kỹ năng giao tiếp và ngoại giao trong môi trường xã hội và kinh doanh. Học phần còn giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các chuẩn mực văn hóa khác nhau liên quan đến ăn uống và giao tiếp trên bàn tiệc, qua đó hỗ trợ sinh viên phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực tổ chức sự kiện, quản lý nhà hàng, và các ngành nghề liên quan đến dịch vụ khách hàng. Khóa học này hỗ trợ cho các học phần khác trong chương trình đào tạo về quản lý khách sạn và du lịch, cung cấp một nền tảng vững chắc cho những ai xem ngành dịch vụ là nghề nghiệp tương lai.
4.30	SOS1108	Văn hoá các nước Đông Nam Á	3	Học phần giới thiệu một cách hệ thống những thông tin cơ bản về diện tích, dân số, đặc điểm lịch sử, cộng đồng dân cư và văn hóa, tình hình phát triển kinh tế - xã hội; tìm hiểu các phong tục tập quán và danh lam thắng cảnh, địa điểm du lịch nổi tiếng cũng như bản sắc tộc người và hiện trạng khai thác tiềm năng phát triển du lịch của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. So sánh những nét tương đồng và khác biệt giữa văn hóa khu vực và văn hóa bản địa Việt Nam; đánh giá khả năng hợp tác, phát triển của ngành du lịch ASEAN, hướng đến việc hiện thực hóa Cộng

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				đồng văn hóa - xã hội ASEAN.
4.31	KOR1147	Văn hóa truyền thống Hàn Quốc	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về văn hóa truyền thống của Hàn Quốc bao gồm văn hóa ứng xử của người Hàn đối với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội như: khái quát về Hàn Quốc (đất nước, con người), lịch sử văn hóa Hàn Quốc, đời sống văn hóa người Hàn. Kiến thức của học phần cung cấp để sinh viên có thể hiểu được văn hóa truyền thống của người Hàn, có thể phân tích, so sánh đặc điểm văn hóa với các nước phương Đông; tìm hiểu điểm giống và khác giữa văn hóa truyền thống Hàn Quốc và Việt Nam để sinh viên gìn giữ bản sắc văn hóa Việt và có ứng xử phù hợp trong các hoạt động giao lưu quốc tế giữa hai nước.
4.32	IRE1138	Văn minh nhân loại	3	Học phần Văn minh nhân loại được thiết kế để đạt được một số mục tiêu: 1) giúp sinh viên làm quen với các thông tin cơ bản về địa lý, lịch sử và văn hóa mà mọi người cần biết để trở thành một công dân toàn cầu hiểu biết của thế giới, 2) tạo nền tảng cho các khóa học sau này trong nhiều lĩnh vực trong đó giả định những kiến thức tổng quát như vậy, 3) minh họa sự đa dạng phong phú mà loài người đã tìm thấy để sống trong các nền văn minh và 4) kích thích sự tò mò của bạn để tìm hiểu thêm. Xin lưu ý rằng đây không phải là một khóa học lịch sử truyền thống. Điều này có nghĩa là các nội dung học phần về văn học, kiến trúc, nghệ thuật và âm nhạc không chỉ đơn thuần là bổ sung, mà là một phần cốt lõi của khóa học. Chúng tôi sẽ nhấn mạnh các chủ đề và khuôn mẫu văn hóa hơn là các sự kiện và trình tự thời gian. Bạn sẽ được yêu cầu ghi nhớ rất ít ngày tháng; nhưng bạn sẽ phải theo dõi và so sánh các khái niệm giữa các nền văn minh khác nhau.
5. Thực tập thực tế				
5.1	KOR1334	Thực tập tốt nghiệp	3	Học phần Thực tập tốt nghiệp được thực hiện nhằm mục đích giúp sinh viên thâm nhập vào môi trường thực tế để nâng cao nhận thức vai trò và trách nhiệm đối với ngành nghề mình đang theo đuổi; tiếp cận và làm quen với các công việc liên quan đến chuyên môn tiếng Hàn mình đang theo đuổi. Nội dung công việc

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				trong thời gian thực tập mà sinh viên phải thực hiện như tham gia các công việc mà đơn vị thực tập phân công, tìm hiểu cơ quan, đơn vị cùng với những hoạt động liên quan đến chuyên ngành, biết cách tổ chức công việc cá nhân và theo nhóm.
5.2	KOR1451	Khóa luận tốt nghiệp	6	Học phần Chuyên đề/ Khóa luận tốt nghiệp giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động ngành, chuyên ngành được đào tạo. Kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức một đề tài tốt nghiệp. Học phần này có mục tiêu giúp sinh viên: • Có khả năng phát hiện một vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn. Vấn đề nghiên cứu có thể gắn với hoạt động của đơn vị thực tập tốt nghiệp cũng có thể là một vấn đề vĩ mô gắn với hoạt động của ngành, chuyên ngành được đào tạo. Biết nhận diện và xác định: Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu; Đối tượng nghiên cứu, Phạm vi nghiên cứu, Câu hỏi nghiên cứu cho các mục tiêu nghiên cứu cụ thể. Đồng thời xây dựng kế hoạch nghiên cứu vấn đề đã được xác định; • Có thể tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý thuyết (nghiên cứu trước) có liên quan vấn đề nghiên cứu đã xác định (Literature Review). Biết xây dựng danh mục tài liệu trích dẫn hay danh mục tham khảo (References, Bibliography); • Có thể tổng hợp, phân tích vấn đề nghiên cứu đã xác định. Biết vận dụng các hình thức thu thập dữ liệu, sử dụng các công cụ xử lý dữ liệu phù hợp. Từ đó, có thể đánh giá thực trạng, phát hiện và đề xuất giải quyết những vấn đề bất cập của đối tượng nghiên cứu. • Phát triển phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng trình bày báo cáo nghiên cứu.
5.3	KOR1162K	Tiếng Hàn tổng hợp 1	3	Học phần Tiếng Hàn tổng hợp 1 cung cấp cho người học những kiến thức bao gồm cấu trúc ngữ pháp, mẫu hội thoại và thành ngữ Hàn qua tình huống giao tiếp thường được người Hàn sử dụng trong đời sống hằng ngày như thăm hỏi, đời sống

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				tin thần, hứa hẹn, việc nhà, du lịch, gợi ý và khuyên nhủ, tham gia sự kiện, đời sống kinh tế và văn hóa, v.v... Học phần này giúp người học hoàn thiện thêm kỹ năng nghe và nói, ứng dụng kiến thức đã học một cách hiệu quả vào thực tế sử dụng tiếng Hàn ứng với TOPIK trình độ Trung cấp 1.
5.4	KOR1163K	Tiếng Hàn tổng hợp 2	3	Học phần Tiếng Hàn tổng hợp 2 cung cấp cho người học những kiến thức bao gồm cấu trúc ngữ pháp, mẫu hội thoại và thành ngữ Hàn qua tình huống giao tiếp được người Hàn sử dụng trong đời sống hằng ngày sự biến đổi trong hình thái gia đình người Hàn, các nghi lễ - phong tục truyền thống Hàn Quốc, thời đại quốc tế hóa trong xã hội Hàn, bệnh tật trong đời sống, v.v... Học phần này giúp người học hoàn thiện thêm kỹ năng nghe và nói, ứng dụng kiến thức đã học một cách hiệu quả vào thực tế sử dụng tiếng Hàn ứng với TOPIK trình độ Trung cấp 2.
6. Kiến thức không tích lũy				
6.1. Giáo dục thể chất				Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, các kỹ thuật, phương pháp tập luyện nhằm rèn luyện và nâng cao sức khỏe, thẩm mỹ. Người học có thể chọn các học phần yêu thích để tập luyện phù hợp với thể lực của bản thân như: Thể hình thẩm mỹ (GYM), Aerobic, Boxing, Vovinam, DanceSport.
6.2. Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)				Học phần trang bị cho người học hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng. Môn học được phân thành 04 phần: phần 1- Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, phần 2- Công tác quốc phòng an ninh, phần 3- Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn, phần 4- Hiểu biết chung về quân, binh chủng.

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo được tổ chức thực hiện theo kế hoạch giảng dạy và học tập từng năm học của Trường.

2. Một số học phần đặc biệt, thể hiện bản sắc riêng của UEF, được tổ chức đào tạo theo định hướng sau:

- Đào tạo kỹ năng: Học phần Project Design 1 được giảng dạy ở năm thứ nhất, Project Design 2 được giảng dạy ở năm thứ hai, hình thành cho người học phương pháp, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy, phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua một dự án. Trên cơ sở đó giúp người học phát triển các kỹ năng qua các học phần chuyên môn ở các học kỳ năm học tiếp theo; đồng thời giúp phát triển tối đa năng lực tự học, tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề thực tế của người học, nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội thông qua các chủ đề xoay quanh các Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs), thúc đẩy năng lực học tập suốt đời.

- Đào tạo chuyên môn định hướng nghề nghiệp: Từ HK1 năm thứ nhất, người học được tiếp cận các học phần nhập môn, học phần cơ sở ngành và được tiếp cận với các lĩnh vực nghề nghiệp chuyên môn thông qua các hoạt động tham quan, kiến tập, hội thảo chuyên đề... Ở học kỳ cuối sinh viên phải tham gia thực tập tốt nghiệp bắt buộc (toàn thời gian tại đơn vị thực tập, tối thiểu 12 tuần) và chọn thực hiện khóa luận tốt nghiệp, hoặc chuyên đề tốt nghiệp, hoặc học thay thế bằng 2 học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

3. Các học phần trong chương trình đào tạo được phân định quản lý theo chuyên môn cho các đơn vị khoa/ viện/ trung tâm (gọi chung là đơn vị quản lý học phần) theo Quy định về phân định quản lý sinh viên và học phần hiện hành của Trường

4. Việc thiết kế các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá, phân tích kết quả học tập của người học được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Trường về việc lựa chọn phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ đại học.

5. Các học phần được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất được Hiệu trưởng ban hành.

6. Việc tổ chức giảng dạy và học tập, kiểm tra, đánh giá học phần, xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần và các quy chế, quy định có liên quan khác của Trường.

7. Đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định của Trường. Đơn vị quản lý học phần phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của học phần theo quy định của Trường.

8. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định tại Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, ban hành theo Quyết định số 714/QĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật mỗi 02 năm một lần; kết quả rà soát, đánh giá được đơn vị quản lý chương trình áp dụng để cải tiến, nâng cao

chất lượng đào tạo.

10. Trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo, nếu phát sinh yêu cầu cần thiết phải điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải làm tờ trình nêu rõ căn cứ/ lý do của việc điều chỉnh, phạm vi áp dụng, thời điểm bắt đầu áp dụng, nội dung đề nghị điều chỉnh và dự kiến tác động của việc điều chỉnh chương trình đào tạo; kèm theo biên bản họp Hội đồng khoa và các minh chứng cần thiết khác. Việc đề xuất điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo không được làm ảnh hưởng đến kế hoạch đào tạo của học kỳ hiện tại. Phòng Đào tạo tiếp nhận tờ trình từ đơn vị quản lý chương trình đào tạo, rà soát và có ý kiến, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

11. Khi có thay đổi về giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo hoặc theo yêu cầu điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần phải được rà soát và cập nhật. Đơn vị quản lý học phần phối hợp với đơn vị quản lý chương trình đào tạo tổ chức việc rà soát, cập nhật, ghi rõ thời điểm áp dụng đề cương chi tiết mới cập nhật. Đề cương chi tiết sau khi hoàn tất cập nhật được gửi cho Phòng Đào tạo rà soát, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

12. Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo./.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Giang